

An Lạc Tập

Sa môn Thích Đạo Xước soạn

Chứng nghĩa: Hòa Thượng Thích Đồng Minh

Chuyển ngữ: Như Hòa

1- Dẫn nhập

Ngài Đạo Xước là một vị cao tăng sống vào đời Đường (562-645), người Văn Thủy, Tinh Châu (huyện Thái Nguyên, Sơn Tây). Sư còn được biết dưới tên là Tây Hà thiền sư.

Sư xuất gia năm 14 tuổi, thông suốt kinh luận, chuyên nghiên cứu kinh Niết Bàn, và từng giảng dạy kinh này 24 lần. Sau nhờ đọc văn bia của ngài Đàm Loan ở chùa Huyền Trung, ngài chuyển sang tín ngưỡng Tịnh Độ (năm ấy, ngài 48 tuổi). Từ đó, mỗi ngày sư niệm Phật ngàn biến. Sư giảng kinh Quán Vô Lượng Thọ hơn 200 lần. Năm 629, sư biết trước ngày tịch bèn toan nhóm họp tứ chúng để từ biệt, bỗng mộng thấy ngài Đàm Loan hiện thân bảo dư báo chưa hết, nên ngài tiếp tục trụ thế. Các vị đệ tử nổi tiếng của sư là Thiện Đạo (vị nay sau được suy tôn là Đệ Nhị Tổ của Tịnh Độ tông Trung Hoa), Đạo Thủ, Tăng Diên, Đạo Ngân. Sư tịch năm 645, thọ 84 tuổi.

Tác phẩm của sư chỉ còn lại bộ An Lạc Tập này và luận Tịnh Độ, nhưng phần lớn căn bản giáo nghĩa Tịnh Độ hiện tại lại dựa trên tư tưởng của ngài. Ngài cho rằng: nay là thời Mạt Pháp, chỉ có việc niệm Phật là thiết yếu. Trong An Lạc Tập, nhiều lần ngài nhấn mạnh đến hai khái niệm Tha Lực và Tự Lực. Chính tư tưởng này ảnh hưởng mạnh mẽ đến ngài Thiện Đạo, nhất là ý tưởng: được nghe pháp, được tu hành hoàn toàn nhờ Phật lực gia hộ. Giáo nghĩa “mười niệm ắt được vãng sanh” được ngài và nhất là tổ Thiện Đạo phát triển thành giáo nghĩa: Trì Danh niệm Phật và coi đó là pháp tu thiết thật và công hiệu nhất trong các pháp niệm Phật. Trong thời ngài, do các luận sư thuộc tông Tam Luận thường cho rằng giáo thuyết Vãng Sanh Tịnh Độ thuộc về kiến chấp hữu tướng Tiểu Thừa nên ngài dùng An Lạc Tập như một luận văn để đả phá tư tưởng ấy.

Ngài cũng gián tiếp vạch ra sai lầm của ngài Tịnh Ảnh Huệ Viễn. Ngài Huệ Viễn khi chú giải kinh Vô Lượng Thọ đã cho rằng: A Di Đà Phật chỉ là hóa Phật vì thọ mạng có hạn lượng (theo ngài Huệ Viễn, chữ “vô lượng” trong danh xưng Vô Lượng Thọ chính là con số Vô Lượng được nói đến trong kinh Hoa Nghiêm, chứ không có nghĩa là vô lượng tuyệt đối). Tổ Đạo Xước chỉ rõ A Di Đà Phật là Báo Thân Phật, cõi An Lạc là báo độ. Tư tưởng của ngài về sau được thượng nhân Pháp Nhiên và nhất là tổ Thân Loan cực lực xiển dương. Điều lạ lùng là hai ngài Đàm Loan và Đạo Xước là những vị đặt cơ sở cho giáo nghĩa Tịnh Độ lại hoàn toàn không được xếp vào danh mục 12 vị tổ sư Tịnh Độ Trung Hoa. Chỉ có Tịnh Độ Tông Nhật Bản và Tịnh Độ Chơn Tông của Nhật coi ngài Đạo Xước là tổ thứ hai của tông Tịnh Độ.

Văn phong của An Lạc Tập rất trong sáng, ngắn gọn, súc tích, rất có hệ thống, rành mạch, dễ đọc. Nhờ An Lạc Tập, ta có thể hiểu tư tưởng của ngài Thiện Đạo trong Quán Vô Lượng Thọ kinh sơ đẳng hơn rất nhiều. Tiếc vì trình độ có hạn, khả năng viết lách yếu kém, người dịch không cách nào mô phỏng được nhạc điệu cũng như lối dùng từ thật đặc sắc của Tổ. Chỉ còn biết kính xin Tam Bảo thăm gia hộ khiến cho thâm ý bản hoài của Tổ không bị lời dịch thô lậu làm cho sai lạc. Mạt nhân cũng xin mượn lời dẫn nhập này để cảm tạ ân đức thâm trọng của Hòa Thượng thượng Đồng hạ Minh chùa

Long Sơn (Nha Trang) đã từ bi dành nhiều công sức giáo chánh và chứng nghĩa. Kính nguyện ân sư thân tâm thường an lạc để tiếp dẫn hàng đệ tử hậu học chúng con. Nếu như việc chuyên ngữ này có chút công đức nào, kính xin hồi hướng cho khắp cả mười phương pháp giới chúng sanh cùng được vãng sanh Cực Lạc.

An Lạc Tập

Sa môn Thích Đạo Xước soạn

Chứng nghĩa: Hòa Thượng Thích Đồng Minh

Chuyên ngữ: Như Hòa

Quyển Thượng

Một bộ An Lạc Tập này nói chung gồm mười hai đề mục lớn; [trong mỗi đề mục] đều dẫn kinh, luận chứng minh nhằm khuyên [hành nhân] tin tưởng mà cầu vãng sanh.

A. Nay trước hết trong đề mục lớn thứ nhất, văn nghĩa tuy nhiều nhưng tạm chia thành chín loại để bàn định; sau đây mới viết lời luận.

1. Thứ nhất là chỉ rõ nguyên nhân phát khởi giáo pháp, ước thời, xét căn cơ để khuyên quy hướng Tịnh Độ.

2. Thứ hai là căn cứ vào các bộ kinh Đại Thừa để luận rõ quy tắc nói pháp và nghe pháp.

3. Thứ ba là căn cứ vào Đại Thừa thánh giáo để bàn về việc chúng sanh phát tâm lâu mau, cúng Phật nhiều hay ít để khiến cho thính chúng trong hội nức lòng phát tâm.

4. Thứ tư là biện định tông chỉ của các kinh sai khác.

5. Thứ năm, giảng rõ: Tên các kinh được đặt cũng sai khác, chẳng hạn như Niết Bàn, Bát Nhã v.v... là dùng pháp đặt tên. Có kinh thì dùng thí dụ, có kinh thì dùng sự vật [để đặt tên], cũng có lúc đặt tên kinh theo thời, theo chốn; chứ chẳng phải chỉ có một cách đặt tên duy nhất. Nay Quán kinh đây dùng nhân và pháp để đặt tên: Phật là tên người; nói đến Quán Vô Lượng Thọ chính là tên của pháp vậy.

6. Thứ sáu là bàn định về người nói [pháp] sai biệt. Đối với các kinh đã được nói thì chẳng ngoài năm loại: một là Phật tự nói, hai là thánh đệ tử nói, ba là chư thiên nói, bốn là thân tiên nói, năm là [những hạng] biến hóa nói. Trong năm loại trên thì Quán kinh do chính đức Thế Tôn tự nói.

7. Thứ sáu là lược giảng về hai thân chơn và ứng, bàn định về hai cõi chơn và ứng.

8. Thứ tám là chỉ rõ những địa vị trong cõi tịnh của Phật Di Đà bao trùm các căn cơ thượng, hạ; phạm thánh đều cùng vãng sanh.

9. Thứ chín là bàn rõ cõi tịnh của Phật Di Đà là thuộc vào hay chẳng thuộc vào tam giới.

A1. Nguyên nhân phát khởi giáo pháp, ước thời, xét định căn cơ để khuyên quy hướng Tịnh Độ:

Nếu giáo pháp tương xứng với thời và căn cơ thì dễ tu, dễ ngộ. Nếu căn cơ, giáo pháp lẫn thời điểm không tương hợp thì khó tu, khó nhập. Thế nên, kinh Chánh Pháp Niệm dạy: “Lúc hành giả nhất tâm cầu đạo thường phải nên quán sát thời và phương tiện. Nếu chẳng được thời và không phương tiện thì gọi là thất, chẳng gọi là lợi. Vì sao? Như dùi cây ướm để có lửa thì chẳng được lửa vì chẳng đúng thời vậy. Nếu chặt củi khô để kiếm nước thì chẳng kiếm được nước vì vô trí vậy”. Bởi thế, kinh Đại Tập Nguyệt Tạng chép: “Năm trăm năm sau khi Phật diệt độ, các đệ tử của ta học Huệ được kiên cố. Một ngàn

năm sau, học Định được kiên cố. Một ngàn năm trăm năm sau, học Đa Văn đọc tụng được kiên cố. Hai ngàn năm trăm sau, tạo lập chùa tháp, tu phước sám hối được kiên cố. Hai ngàn năm trăm năm sau, bạch pháp ẩn trệ, lăm điều tranh cãi, chỉ có chút ít pháp lành được kiên cố”.

Kinh ấy cũng lại dạy: “Chư Phật xuất thế có bốn pháp để độ chúng sanh. Những gì là bốn? Một là miệng nói ra mười hai bộ kinh, [đấy] chính là pháp thí độ chúng sanh. Hai là chư Phật Như Lai có vô lượng quang minh, tướng hảo, hết thảy chúng sanh chỉ cần chuyên tâm quán sát thì không ai chẳng được lợi ích; đấy chính là thân nghiệp độ chúng sanh. Ba là có vô lượng đức dụng, thân thông, đạo lực, các thứ biến hóa; đấy chính là thần thông lực độ chúng sanh. Bốn là chư Phật Như Lai có vô lượng danh hiệu hoặc là [danh hiệu] chung hoặc là [danh hiệu] riêng. Nếu có chúng sanh nào chuyên tâm xưng niệm thì không ai là chẳng trừ được chướng, được lợi lạc và được sanh ở trước đức Phật. Đó chính là danh hiệu độ chúng sanh”

Xét về chúng sanh hiện thời thì Phật diệt độ đã hai ngàn năm, chính là lúc [phải nên] sám hối, tu phước, xưng danh hiệu Phật vậy. Nếu xưng niệm A Di Đà Phật trong một niệm thì sẽ trừ được tội trong cả tám mươi ức kiếp sanh tử. Một niệm đã như vậy, huống hồ là thường tu niệm! Đấy chính là người thường luôn sám hối vậy. Lại nữa, nếu như khi Phật diệt độ chưa lâu thì những việc trước như tu Định, tu Huệ là chánh học, còn những việc sau (sám hối, tu phước) chỉ là kiêm hạnh. Nếu như Phật diệt độ đã lâu thì Xưng Danh là chánh học, còn những việc trước chỉ là kiêm hạnh. Tại sao vậy? Đấy thật sự là vì chúng sanh xa cách Phật đã lâu, căn cơ, kiến giải hời hợt, cạn cợt, ám độn. Bởi thế, đại sĩ Vy Đề Hy tự vì mình và cũng vì xót thương chúng sanh trong đời ngũ trước mai sau luân hồi nhiều kiếp, chịu đựng nỗi đớn đau, thiêu đốt; nhân gặp duyên khổ, ngài bèn thỉnh cầu đức Phật mở ra con đường xuất thế thênh thang. Đức Đại Thánh rủ lòng từ, khuyên quy Cực Lạc. Nếu muốn trong cõi này tấn tu để đạt được quả thù thắng khó đạt thì chỉ có mỗi một môn Tịnh Độ là có thể [giúp hành nhân] thỏa lòng mong mỏi. Nếu như tìm xem trong các kinh thì những đoạn khuyên tu Tịnh Độ rất nhiều, [nên tôi] bèn sưu tập những lời chọn thật ấy để giúp cho người tu được lợi ích. Lợi ích gì? Muốn do người vãng sanh trước dẫn dắt người hậu học, người được vãng sanh sau lại noi gương người trước, liên tục vô cùng, nguyện chẳng ngưng nghỉ để cạn sạch biển sanh tử vô biên vậy.

A2. Căn cứ vào các bộ kinh Đại Thừa để luận về phương thức giảng và nghe pháp.

Phần này gồm có sáu ý:

1. Kinh Đại Tập dạy: “Đối với người thuyết pháp, tướng là y vương, tướng là đẹp khổ. Đối với pháp được nói, tướng là Cam Lộ, tướng là Đề Hồ. Người nghe pháp tướng là được tăng trưởng kiến giải thù thắng, tướng là lành bệnh. Nếu tướng được như thế thì người nói lẫn kẻ nghe đều kham nổi việc thiệu long Phật pháp, thường sanh ở trước đức Phật”.

2. Luận Đại Trí Độ chép: “Người nghe nhìn chăm chú như người khát mong được uống, nhất tâm lãnh hội ngữ nghĩa. Nghe pháp tâm hớn hở, buồn, vui. Đối với người như thế thì mới nên nói”.

3. Trong bộ luận trên cũng viết: “Có hai hạng người được phước vô lượng vô biên. Những gì là hai? Một là người thích thuyết pháp, hai là người thích nghe pháp. Thế nên ngài A Nan bạch đức Phật rằng: ‘Vì sao Xá Lợi Phất, Mục Liên đặc trí huệ, thần thông thật là thù thắng nhất trong các vị thánh đệ tử?’ Phật bảo A Nan: ‘Hai người ấy trong lúc tu nhân vì nhân duyên [nghe] pháp dấu cách xa cả ngàn dặm cũng chẳng ngăn trở được họ [đến nghe]. Vì thế ngày nay họ thật là thù thắng”.

4. Trong Vô Lượng Thọ Đại kinh có nói: “Nếu người không có căn lành thì chẳng được nghe kinh này. Kẻ thanh tịnh trì giới mới được nghe chánh pháp”.

5. (*) Đã từng gặp Thế Tôn,
Mới tin nổi việc này
Phụng sự ức Như Lai
Ưu nghe pháp như vậy

6. Kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác dạy: “Thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe nói pháp môn Tịnh Độ tâm sanh bi, hỷ, lòng trên thân dựng đứng cả lên thì nên biết là kẻ ấy đòi trước đã từng tu Phật đạo. Nếu lại có kẻ nghe nói pháp môn Tịnh Độ mà trọn chẳng sanh lòng tin thì nên biết là kẻ ấy mới vừa từ trong ba đường ác thoát ra, tội lỗi chưa hết nên chẳng tin tưởng nổi pháp môn này vậy. Ta nói kẻ ấy chưa giải thoát được”.

Thế nên, Vô Lượng Thọ Đại kinh dạy: “Do kiêu mạn và lười biếng che lấp nên khó tin được pháp này”.

A3 Căn cứ vào Đại Thừa thánh giáo, bàn về chúng sanh phát tâm lâu mau, cúng Phật nhiều, ít:

Như kinh Niết Bàn chép: “Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: ‘Nếu có chúng sanh phát tâm Bồ Đề nơi các đức Phật nhiều như nửa số cát của sông Hằng, sông Hy Liên v.v... thì sau mới có thể ở trong đời ác nghe kinh điển Đại Thừa này mà chẳng sanh phỉ báng. Nếu phát tâm Bồ Đề nơi một hằng hà sa đức Phật thì sau mới có thể ở trong đời ác nghe kinh này mà chẳng khởi phỉ báng, tin sâu, yêu thích. Nếu có người phát tâm Bồ Đề nơi hai hằng hà sa đức Phật thì sau mới có thể ở trong đời ác chẳng báng pháp này, hiểu đúng đắn, tin ưa, thọ trì, đọc tụng. Nếu có người phát tâm Bồ Đề nơi ba hằng hà sa đức Phật thì sau mới có thể ở trong đời ác chẳng báng pháp này, biên chép kinh quyển, tuy giảng cho người khác nhưng chẳng hiểu được nghĩa sâu”.

Vì sao thế? Cứ theo như lời dạy trên mà lượng định thì rõ ràng là người ngày nay được ở dưới tòa nghe kinh là kẻ đã từng phát tâm cúng dường nhiều đức Phật. Lại để hiển thị oai lực chẳng thể nghĩ bàn của kinh Đại Thừa nên kinh trên lại dạy: “Nếu có chúng sanh nghe kinh điển này thì trong cả ức trăm ngàn kiếp sẽ chẳng đọa ác đạo. Vì có sao? Kinh điển mầu nhiệm này truyền đến đâu thì phải biết đất chỗ ấy chính là kim cang. Những người ở nơi ấy cũng như kim cang”. Vì thế, ta biết được rằng: nghe kinh sanh lòng tin sẽ được lợi ích chẳng thể nghĩ bàn vậy.

A4. Bàn định về tông chỉ các kinh chẳng đồng:

Nếu xét theo kinh Niết Bàn thì Phật Tánh là tông. Nếu xét kinh Duy Ma, bất khả tư nghị giải thoát là tông. Nếu xét theo kinh Bát Nhã thì Không Huệ là tông. Nếu xét theo

kinh Đại Tập thì đà-ra-ni là tông. Nay Quán kinh đây lấy Quán Phật Tam Muội làm tông. Nếu bàn về những sự được quán thì chẳng ngoài hai thứ là chánh báo và y báo, ở phần dưới sẽ căn cứ vào các phép quán để bàn định. Nếu chiếu theo kinh Quán Phật Tam Muội thì:

“Phật bảo phụ vương:

- Chư Phật xuất thế có ba điều lợi ích:

a. Một là miệng nói mười hai bộ kinh là pháp thí lợi ích, trừ được vô minh ám chướng của chúng sanh, [khiến họ] mở sáng con mắt trí huệ, được sanh nơi chư Phật, sớm đắc Vô Thượng Bồ Đề.

b. Hai là chư Phật Như Lai có thân tướng quang minh, vô lượng diệu hảo. Nếu có chúng sanh xưng niệm, quán sát dù là tổng tướng hay biệt tướng, chẳng luận là thân Phật hiện tại hay quá khứ thì đều sẽ khiến cho chúng sanh trừ diệt được tứ trọng, ngũ nghịch, mãi mãi thoát khỏi tam đồ, tùy lòng ưa muốn thường được sanh về Tịnh Độ cho đến khi thành Phật.

c. Ba là khuyên phụ vương thực hành Niệm Phật tam muội.

Phụ vương bạch Phật:

- Vì nguyên nhân nào mà Phật chẳng dạy đệ tử thực hành Chơn Như Thật Tướng, Đệ Nhất Nghĩa Không của quả đức Phật địa?

Phật bảo phụ vương:

- Quả đức của chư Phật có vô lượng cảnh giới, thần thông giải thoát thâm diệu, chẳng phải là cảnh giới để phàm phu tu hành được nổi! Vì thế, Phật khuyên phụ vương tu hành Niệm Phật tam muội.

Phụ vương bạch Phật:

- Công năng niệm Phật có hình trạng như thế nào?

Phật bảo phụ vương:

- Như trong rừng Y Lan rộng đến bốn mươi do tuần có một hột Ngưu Đầu Chiên Đàn, tuy có mầm mống nhưng chưa mọc lên thì rừng Y Lan ấy chỉ hôi thối chẳng thơm. Nếu có ai ăn phải hoa, trái [của cây Y Lan] thì phát cuồng mà chết. Lúc sau, rễ mầm của cây Chiên Đàn dần dần tăng trưởng, khi nó vừa sắp trở thành cây to thì mùi thơm đã nồng sực, có thể biến đổi cả khu rừng ấy trở thành thơm tho. Chúng sanh trông thấy đều sanh tâm hy hữu.

Phật bảo phụ vương:

- Tâm niệm Phật của hết thảy chúng sanh trong sanh tử cũng giống như vậy: chỉ cốt có thể hệ niệm chẳng ngơi thì quyết định được sanh ở trước đức Phật; một phen được

vãng sanh sẽ có thể biến đổi hết thảy điều ác thành ra đại từ bi giống như loại cây thơm tho kia biến đổi cả rừng Y Lan”.

Rừng Y Lan vừa nói đó ví cho ba độc, ba chương, vô biên trọng tội trong thân chúng sanh. Nói Chiên Đàn là ví cho tâm niệm Phật của chúng sanh. “Lúc vừa mới thành cây” là nói hết thảy chúng sanh chỉ cần xưng niệm chẳng ngớt thì nghiệp đạo được hoàn thành vậy.

Hỏi: Vì sao sức của một niệm lại có thể đoạn được hết thảy các chương giống như một cây có mùi thơm lại biến đổi được cả khu rừng Y Lan rộng đến bốn mươi do tuần trở thành thơm tho?

Đáp: Căn cứ theo các bộ kinh Đại Thừa thì rõ ràng là Niệm Phật có công năng chẳng thể nghĩ lường. Vì sao? Như kinh Hoa Nghiêm nói: “Ví như có người dùng gân sư tử làm dây đàn, tiếng đàn vừa tấu lên một lượt thì hết thảy các loại dây đàn khác đều bị đứt tan. Nếu ai dùng tâm Bồ Đề hành Niệm Phật tam muội thì hết thảy phiền não, hết thảy các chương đều bị đoạn diệt. Cũng như có người đem đồ lẫn hết thảy các loại sữa: bò, dê, lừa, ngựa trong một đồ đựng; nếu đem một giọt sữa sư tử nhỏ vào thì sữa sư tử sẽ xuyên suốt qua không bị ngăn trở, hết thảy các thứ sữa khác thảy đều bị hư nát, biến thành nước lã. Nếu ai có thể dùng tâm Bồ Đề hành Niệm Phật tam muội thì sẽ vượt qua hết thảy các ác ma, các chương không bị trở ngại”.

Kinh ấy lại còn dạy: “Ví như có kẻ dùng thuốc ỉn thân du hành khắp nơi, hết thảy kẻ khác chẳng thấy được kẻ ấy. Nếu ai có thể dùng tâm Bồ Đề hành Niệm Phật tam muội thì hết thảy ác thân, hết thảy các chương chẳng thấy được người ấy. Người ấy muốn đến đâu cũng không ai ngăn cản được, huống hồ là có thể gây chương! Vì sao như vậy? Niệm Phật tam muội đây chính là vua của hết thảy các tam muội vậy”.

A5. Lược giảng về ý nghĩa ba thân, ba cõi

Hỏi: Thân đang hiện hữu của đức Phật A Di Đà là thân gì? Cõi Cực Lạc là cõi gì?

Đáp: Thân hiện hữu của đức Phật A Di Đà là báo Phật (Báo Thân Phật), cõi báu trang nghiêm Cực Lạc là báo độ. Từ xưa các sư đều truyền rằng A Di Đà Phật là Hóa Thân, cõi Cực Lạc cũng là hóa độ; đây là một sai lầm lớn. Nếu đúng là như vậy thì uế độ cũng là chỗ ở của Hóa Thân, Tịnh Độ cũng là chỗ Hóa Thân ở, chẳng biết Báo Thân của đức Như Lai sẽ ở chỗ nào? Nay căn cứ vào kinh Đại Thừa Đồng Tánh để biện luận về tịnh, uế, báo, hóa thì như kinh dạy: “Thành Phật trong cõi tịnh phải là Báo Thân. Thành Phật trong cõi uế phải là Hóa Thân”.

Kinh ấy lại dạy: “Các đức Như Lai: A Di Đà Như Lai, Liên Hoa Khai Phu Tinh Vương Như Lai, Long Chủ Vương Như Lai, Bảo Đức Như Lai... hiện tại đắc đạo hoặc sẽ đắc đạo trong các cõi Phật thanh tịnh. Các vị như vậy đều là Báo Thân Phật. Những vị nào là Như Lai Hóa Thân? Như hiện tại Dũng Bộ Kiện Như Lai, Ma Khủng Bố Như Lai... hết thảy các đức Như Lai như vậy hoặc là hiện tại thành Phật, hoặc sẽ thành Phật trong đời uế trước: từ trời Đâu Suất giáng hạ cho đến trụ trì hết thảy Chánh Pháp, hết thảy Tượng Pháp, hết thảy Mật Pháp... có các sự hóa hiện như thế đều là hóa Phật cả. Những gì là Như Lai Pháp Thân? Chơn Pháp Thân của Như Lai vô sắc, vô hình, vô hiện,

vô trước, chẳng thấy được, chẳng nói được, không có trụ xứ, vô sanh, vô diệt. Đó là ý nghĩa thật sự của Pháp Thân”.

Hỏi: Báo thân của Như Lai là thường trụ, thế sao kinh Quán Âm Bồ Tát Thọ Ký chép: “Sau khi Phật A Di Đà nhập Niết Bàn, Quán Thế Âm Bồ Tát sẽ nối ngôi thành Phật?”

Đáp: Ấy là Báo Thân thị hiện tướng ẩn mất chứ chẳng phải là diệt độ. Kinh ấy chép: “Sau khi Phật A Di Đà nhập Niết Bàn, lại có chúng sanh căn lành sâu dày thì lại được thấy như cũ”, [đoạn kinh này] có thể dùng để làm chứng vậy. Luận Bảo Tánh cũng chép: “Báo thân có năm thứ tướng: thuyết pháp và có thể thấy được, các nghiệp chẳng ngơi nghỉ và ngơi nghỉ ẩn mất (tức là thị hiện nhập diệt), thị hiện thân chẳng thật”, ta có thể lấy câu này làm bằng chứng vậy.

Hỏi: Báo thân cùng báo độ của Thích Ca Như Lai ở tại phương nào?

Đáp: Kinh Niết Bàn chép: “Từ đây đi qua phương Tây bốn mươi hai hàng sa côi Phật có thể giới tên là Vô Thắng, tất cả sự trang nghiêm trong cõi ấy cũng giống hệt như trong thế giới Tây phương Cực Lạc chẳng khác. Ta xuất hiện nơi đời trong cõi ấy. Vì hóa độ chúng sanh nên hiện thân trong cõi Sa Bà này. Chẳng phải chỉ mình ta xuất hiện trong cõi này mà hết thầy Như Lai cũng đều giống như thế”, ta có thể lấy đoạn kinh này làm chứng có vậy.

Hỏi: Như kinh Cổ Âm Vương nói A Di Đà Phật có cha mẹ thì biết rõ [thân Phật ấy, cõi nước ấy] chẳng phải là báo Phật, báo độ hay sao?

Đáp: Ông chỉ nghe danh tự mà chẳng chịu suy xét thấu đáo ý chỉ của kinh đến nỗi đối với mỗi nghi ngờ có thể nói là chỉ sai sót tựa như mảy lông ấy mà lầm lạc đến cả ngàn dặm. Dĩ nhiên, A Di Đà Phật cũng có đủ ba thân, thân xuất hiện trong cõi Cực Lạc là Báo Thân. Nay nói ngài có cha mẹ thì đó chính là cha mẹ của Hóa Thân thị hiện trong uế độ vậy; cũng như Thích Ca Như Lai ở trong tịnh độ thành tựu Báo Thân, khi ngài ứng hiện trong cõi này cũng thị hiện có cha mẹ, trở thành hóa Phật. Đức A Di Đà Phật cũng giống như thế.

Lại như kinh Cổ Âm Thanh Vương có chép: “Lúc bấy giờ, A Di Đà Phật cùng ở chung với chúng Thanh Văn. Cõi nước tên là Thanh Thái, là chỗ ở của thánh vương. Thành ấy rộng rãi mười ngàn do tuần. Cha của Phật A Di Đà là Chuyển Luân Thánh Vương; vua tên Nguyệt Thượng. Mẹ tên Thù Thắng Diệu Nhan. Ma Vương tên Vô Thắng. Con Phật tên Nguyệt Minh. Đề Bà Đạt Đa tên Tịch Ý. Đệ tử hầu hạ tên Vô Cấu Xung”. Những câu vừa dẫn ra trên đây đều là tướng trạng của Hóa Thân. Nếu là Tịnh Độ, lẽ nào lại có Luân Vương và thành quách, nữ nhân v.v... hay sao? Đây chính là đối với những nghĩa lý tiềm ẩn trong kinh vẫn đều chẳng khéo phân biệt, suy xét đến cùng tốt nên đến nỗi mê lầm nơi danh tự, sanh ra chấp trước vậy.

Hỏi: Nếu Báo Thân có tướng ẩn mất, ngưng nghỉ thì Tịnh Độ cũng có thành, hoại hay sao?

Đáp: Đối với lời cật vấn như vậy, tự xưa đến nay nghĩa lý cũng khó thông. Tuy nhiên, tôi nay dám xin dẫn kinh để làm chứng hòng thấu hiểu được nghĩa lý ấy. Ví như thân Phật là thường trụ mà chúng sanh thấy có nhập Niết Bàn; tịnh độ cũng thế: thể tánh của

nó chẳng có thành lẫn hoại nhưng tùy theo cái thấy của chúng sanh mà có thành, có hoại. Như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “Ví như thấy đạo sư có vô lượng các thứ hình sắc tùy theo tâm hạnh; chúng sanh thấy cõi Phật cũng như vậy”. Vì thế, Tịnh Độ luận viết: “Do một chất chẳng thành nên tịnh, uế có voi, đầy. Do dị chất chẳng thành nên truy xét đến căn nguyên liền mờ mịt. Do không chất chi chẳng thành nên duyên khởi thành vạn tượng”. Do đó, ta biết rằng: nếu xét trên phương diện pháp tánh Tịnh Độ thì chẳng luận định là thanh hay trược; còn nếu xét về mặt báo, hóa đại bi thì không có chi là chẳng thuộc về tịnh hay uế cả!

Nếu lại bàn chung về các cõi Phật thì do căn cơ cảm ứng chẳng đồng nên có ba thứ sai biệt:

a. Một là từ nơi Chơn hiện ra Báo, nên gọi là Báo Độ, giống như ánh sáng mặt trời chiếu xuống tứ thiên hạ: Pháp Thân như mặt trời; Báo Thân và Hóa Thân như ánh nắng.

b. Hai là không mà chợt có nên gọi là “hóa” như Tứ Phần Luật chép: “Định Quang Như Lai hóa ra thành Đê Bà và thành Bạt Đê ở gần nhau, [người trong thành] thân cận, kết hôn, qua lại với nhau. Lúc sau ngài chợt hóa ra lửa thiêu trụi hết cả khiến cho các chúng sanh thấy sự vô thường ấy rồi không ai là chẳng sanh lòng chán chường, quy hướng Phật đạo”. Vì thế kinh dạy: “Hoặc hiện kiếp hỏa thiêu đốt trời đất đều rỗng toang cả [khiến cho] chúng sanh có quan niệm hữu thường bèn thấu hiểu vô thường. Hoặc để cứu giúp kẻ nghèo bèn hiện lập kho báu vô tận, tùy duyên chỉ bảo đủ cách, hóa độ họ phát tâm Bồ Đề”.

c. Ba là ẩn uế hiện tịnh như trong kinh Duy Ma, Phật dùng ngón chân bấm xuống đất khiến cả cõi Tam Thiên không có chỗ nào là chẳng nghiêm tịnh cả.

Nay cõi Phật Vô Lượng Thọ là từ chơn hiện ra báo vậy, vì sao biết được như vậy? Cứ theo như kinh Quán Âm Thọ Ký dạy: “Trong vị lai, khi Quán Âm thành Phật sẽ thay thế chỗ Phật A Di Đà” cho nên biết là báo độ vậy.

A6. Cõi tịnh của Phật A Di Đà thâm tóm thượng căn, hạ căn, thánh phàm đều cùng vãng sanh

Nay cõi tịnh của Phật Vô Lượng Thọ chính là Báo Tịnh Độ. Do nguyện lực của Phật nên cõi ấy nhiếp thủ trọn vẹn thượng căn lẫn hạ căn; thậm chí phàm phu làm lành cũng được vãng sanh [cõi ấy]. Vì cõi ấy nhiếp thủ thượng căn nên Thiên Thân, Long Thọ và các vị Địa Thượng Bồ Tát (Bồ Tát đã chứng các địa vị trong Thập Địa) cũng đều vãng sanh. Do đó, Đại kinh chép: “Di Lặc Bồ Tát hỏi Phật: “Chẳng hay trong cõi này có bao nhiêu vị bất thối Bồ Tát được sanh về cõi kia?” Phật dạy: “Thế giới Sa Bà này có sáu mươi bảy ức bất thối Bồ Tát đều sẽ vãng sanh”. Nếu muốn dẫn chứng chi tiết thì [có thể nói đại lược là] trong các phương khác, [số lượng các Bồ Tát được vãng sanh] cũng giống như vậy.

Hỏi: Đã bảo là xét về mặt địa vị [tu chúng] thì cõi tịnh của Phật Di Đà gồm trọn cả thượng căn lẫn hạ căn, chẳng luận là phàm hay thánh cùng đều được vãng sanh, nhưng chưa rõ là chỉ có người tu Vô Tướng mới được vãng sanh, chứ còn kẻ phàm phu hữu tướng thì cũng có được vãng sanh hay chẳng?

Đáp: Phàm phu trí cạn, phần nhiều phải dựa vào tướng để cầu, họ quyết định được vãng sanh, nhưng do sức thiện căn hữu tướng nhỏ nhoi nên chỉ được sanh trong cõi hữu tướng, chỉ thấy được Báo Thân cùng Hóa Thân của Phật. Vì thế, trong phẩm Bồ Tát Bồ Hạnh của kinh Quán Phật Tam Muội, có nói:

“Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng:

- Con nhớ trong quá khứ vô lượng kiếp số, lúc con còn là phàm phu. Trong thời ấy có đức Phật hiệu là Bảo Oai Đức Thượng Vương Như Lai. Lúc đức Phật ấy xuất thế cũng giống hệt như ngày nay không khác. Thân đức Phật ấy cũng cao một trượng sáu, thân màu tử kim, giảng pháp Tam Thừa giống như đức Phật Thích Ca Văn. Lúc bấy giờ, trong cõi ấy có vị đại trưởng giả tên là Nhất Thiết Thí. Trưởng giả có đứa con tên là Giới Hộ. Lúc con còn nằm trong thai, bà mẹ vì kính tin nên đã thọ sớ Tam Quy Y. Sau khi con đã sanh ra, đến năm lên tám, cha mẹ thỉnh Phật đến nhà cúng dường. Đứa bé thấy Phật bèn lễ đức Phật, do tâm kính sâu xa nên mắt [nhìn Phật] chẳng tạm rời. Do một phen thấy Phật liền trừ được tội lỗi trong cả trăm vạn ức na do tha kiếp sanh tử. Từ đây trở đi, thường sanh trong Tịnh Độ, liền được gặp gỡ trăm ức na do tha hằng hà sa Phật. Các đức Thế Tôn ấy cũng đều dùng tướng hảo để độ thoát chúng sanh. Khi ấy, đối với mỗi một đức Phật, đứa bé đều thân cận hầu hạ, chưa từng gián đoạn hay bỏ lỡ việc lễ bái, cúng dường, chấp tay quán Phật. Do sức nhân duyên ấy, lại được gặp gỡ trăm vạn a tăng kỳ đức Phật. Các đức Phật ấy cũng dùng sắc thân tướng hảo để hóa độ chúng sanh. Từ ấy trở đi, [đồng tử] liền đắc trăm ngàn ức pháp môn Niệm Phật tam muội và còn chứng đắc a tăng kỳ đà-ra-ni môn. Đã chứng đắc các môn ấy rồi thì chư Phật hiện tiền bèn giảng cho đồng tử pháp Vô Tướng. Trong khoảnh khắc liền đắc Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Đồng tử khi ấy chỉ thọ Tam Quy, do một phen lễ Phật, quán kỹ thân Phật, tâm không chán nhọc nhưng do nhân duyên đầy được gặp vô số Phật; hưởng hò là kẻ hệ niệm đầy đủ, tư duy quán sát sắc thân Phật. Đồng tử khi ấy há phải người nào khác mà chính là thân con vậy!

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen ngài Văn Thù rằng:

- Lành thay, lành thay, ông do một phen lễ Phật nên được gặp vô số chư Phật, hưởng là những đệ tử ân cần quán Phật, ân cần niệm Phật trong đời vị lai của ta.

Phật truyền A Nan: “Ông đem lời của Văn Thù Sư Lợi báo khắp đại chúng và chúng sanh đời vị lai: nếu ai hay lễ Phật, nếu ai hay niệm Phật, nếu ai hay quán Phật thì nên biết là kẻ ấy bằng với Văn Thù Sư Lợi không khác. Xả thân rồi thì trong đời sau, các vị Bồ Tát: Văn Thù Sư Lợi v.v... sẽ làm hòa thượng của kẻ ấy”.

Lấy đoạn kinh này làm chứng thì biết rằng Tịnh Độ bao gồm cả cõi hữu tướng, [kẻ phàm phu được] vãng sanh chẳng sai. Nếu biết lấy vô tướng ly niệm làm thể, duyên theo đó để cầu vãng sanh thì phần nhiều sẽ sanh trong bậc thượng. Vì thế, Thiên Thân Bồ Tát luận rằng: “Nếu có thể quán hai mươi chín thứ trang nghiêm thanh tịnh thì [hai mươi chín thứ trang nghiêm ấy có thể nói] đại lược là nhập trong một pháp cú. Một pháp cú chính là thanh tịnh cú. Thanh tịnh cú tức là trí huệ vô vi Pháp Thân vậy”.

Vì sao lại có tướng chứng nhập rộng hay lược? Chỉ vì chư Phật, Bồ Tát có hai thứ Pháp Thân: Một là Pháp Tánh Pháp Thân; hai là Phương Tiện Pháp Thân. Từ Pháp Tánh Pháp Thân sanh ra Phương Tiện Pháp Thân; từ Phương Tiện Pháp Thân hiển xuất Pháp

Tánh Pháp Thân. Hai thứ Pháp Thân này tuy khác nhưng bất khả phân, tuy là một nhưng lại chẳng đồng. Vì thế mới có tướng chứng nhập lược hay rộng. Bồ Tát nếu chẳng biết tướng chứng nhập rộng hay lược thì chẳng thể lợi mình và lợi người. Vô Vi Pháp Thân chính là Pháp Tánh Thân. Do pháp tánh tịch diệt nên Pháp Thân vô tướng. Vì Pháp Thân vô tướng nên không có tướng gì là chẳng thành tựu được. Vì thế, tướng hảo trang nghiêm chính là Pháp Thân. Vì Pháp Thân vô tri nên không chi là không biết; do đó, Nhất Thiết Chủng Trí chính là trí huệ chơn thật. Tuy xét về mặt duyên quán thì thành ra có hai thứ Tổng Quán và Biệt Quán, nhưng không có gì chẳng phải là Thật Tướng. Do biết Thật Tướng nên biết được tướng hư vọng của chúng sanh trong tam giới. Do biết chúng sanh trong tam giới đều là hư vọng nên liền khởi lòng từ bi chơn thật. Do đã biết được lòng từ bi chơn thật nên liền khởi tâm quy y chơn thật. Ở đây, chẳng cần biết hành giả là Tăng hay Tục, hễ ai hiểu được rằng Sanh và Vô Sanh chẳng hề trái nghịch với Nhị Đế thì phần nhiều sẽ được vãng sanh trong bậc thượng vậy.

A7. Bàn định Tịnh Độ Di Đà là thuộc vào tam giới hay chẳng thuộc?

Hỏi: Xét trong tam giới, cõi nước An Lạc thuộc về giới nào?

Đáp: Tịnh Độ thể tánh mâu nhiệm tột bậc vượt hẳn thế gian. Cõi tam giới đây chính là nhà tối của phàm phu sanh tử; tuy là có khổ vui hơn kém, dài ngắn sai khác, nhưng xét chung thì không đâu chẳng phải là bờ bên hữu lậu dài lâu, khởi lên, ẩn mất tiếp nối, tuần hoàn không ngừng (ý nói: thế gian thành rồi hoại, hoại rồi lại thành liên tục), tạp sanh chung đặng (gọi là tạp sanh là vì thế gian có các loài noãn, sanh, thấp, hóa), Tứ Đảo ngập tràn, nào nhân, nào quả, hư nguy tích tập hết sức đáng chán. Do đó, Tịnh Độ chẳng thuộc vào tam giới.

Hơn nữa, theo Trí Độ Luận: “Vì quả báo Tịnh Độ là vô dục nên [Tịnh Độ] chẳng phải là Dục giới. Do ở trên đất nên chẳng phải là Sắc giới. Do có hình sắc nên chẳng phải là Vô Sắc giới”. Tuy nói là ở trên đất (địa cư) nhưng tinh xảo, thù thắng, mâu nhiệm tuyệt vời, cho nên ngài Thiên Thân luận rằng:

“Quán tướng thế giới ấy,
Trời vượt cả tam giới.
Rốt ráo dường hư không,
Rộng lớn không ngừng”.

Cũng vì thế mà bài tán Đại kinh đã viết:
“Cõi diệu rộng lớn ngoài hạn số,
Tự nhiên do bảy báu hợp thành,
Do Phật nguyện lực trang nghiêm thành.
Kính lạy Thanh Tịnh Đại Nhiếp Thọ!
Thế giới sáng ngời, đẹp tuyệt vời
Sung sướng, an ổn, không bốn mùa.
Sức tự lợi, lợi tha viên mãn,
Quy mạng Phương Tiện Xảo Trang Nghiêm”.

B. Trong đề mục lớn thứ hai, có ba ý bàn định.

- * Một là luận về phát Bồ Đề tâm.
- * Hai là phá dị kiến tà chấp.

* Ba là nêu rộng các thứ vấn đáp, giải thích để dứt nghi tình.

B1. Phát Bồ Đề tâm:

Trong phần này, có bốn ý: một là nêu lên công dụng của Bồ Đề tâm; hai là nói đến danh và thể của Bồ Đề; ba là chỉ rõ phát tâm có sai khác; bốn là vấn đáp giải thích.

B1.1 Công dụng của Bồ Đề tâm:

Đại kinh dạy: “Phàm muốn vãng sanh Tịnh Độ, cần phải lấy phát tâm Bồ Đề làm nguyện”. Bồ Đề là gì? Ấy là tên gọi của Vô Thượng Phật đạo. Nếu muốn phát tâm làm Phật thì tâm ấy rộng lớn trọn khắp cả pháp giới. Xét đến cùng tột thì tâm ấy bằng với hư không. Tâm ấy lâu xa đến tột cùng đời vị lai; tâm ấy trọn khắp, rời lìa Nhị Thừa chướng. Nếu có thể một phen phát được tâm ấy thì ắt sẽ dứt được mọi sanh tử từ vô thi; tất cả công đức hồi hướng Bồ Đề đều có thể vọng hướng về Phật quả, không gì bị mất mát. Ví như thứ hoa lạ Ngũ Tịnh, nắng gió chẳng làm héo nôi nó; sông thiêng Phụ Thủy dù trong đời có hạn hán, nước vẫn chẳng cạn.

B1.2 Danh và thể của Bồ Đề:

Bồ Đề có ba thứ: một là Pháp Thân Bồ Đề, hai là Báo Thân Bồ Đề, ba là Hóa Thân Bồ Đề.

Nói Pháp Thân Bồ Đề là chỉ cho Chơn Như Thật Tướng, Đệ Nhất Nghĩa Không: Tự tánh thanh tịnh, thể chẳng uế nhiễm, lý xuất thiên chơn, chẳng phải do tu tập mà thành nên gọi là Pháp Thân. Cái thể của Phật đạo vốn gọi là Bồ Đề.

Báo Thân Bồ Đề là tu trọn vạn hạnh nên cảm được cái quả là Báo Thân Phật. Do cái quả ứng với cái nhân nên gọi là Báo Thân; vì viên thông vô ngại nên gọi Bồ Đề.

Hóa Thân Bồ Đề là từ báo khởi ra công dụng để thích ứng với muôn căn cơ nên gọi là Hóa Thân; vì lợi ích muôn loài một cách viên thông nên gọi là Bồ Đề.

B1.3 Chỉ rõ phát tâm có sai khác:

Nay nói về hành giả tu nhân phát tâm thì phải hội đủ ba điều:

- Một là cần phải hiểu thấu có không, từ trước đến nay, tự tánh vốn thanh tịnh.
- Hai là tu theo vạn hạnh, tám vạn bốn ngàn các ba la mật môn v.v...
- Ba là lấy đại từ bi làm gốc, luôn nghĩ tưởng đến việc lấy chuyện độ sanh làm chí nguyện.

Ba cái nhân ấy tương ứng với Đại Bồ Đề nên gọi là “phát Bồ Đề tâm”. Lại như Tịnh Độ Luận đã viết: “Nay nói phát tâm Bồ Đề thì đó chính là tâm nguyện làm Phật. Tâm nguyện làm Phật chính là tâm cứu độ chúng sanh. Tâm cứu độ chúng sanh chính là tâm nhiếp thủ chúng sanh về cõi có Phật”. Nay đã nguyện sanh Tịnh Độ thì trước hết là phải phát tâm Bồ Đề.

B1.4 Giải thích vấn đáp:

Hỏi: Nếu tu trọn vẹn hạnh sẽ cảm được Bồ Đề, sẽ được thành Phật thì tại sao kinh Chư Pháp Vô Hành lại dạy: “Nếu ai cầu Bồ Đề thời sẽ chẳng có Bồ Đề, người ấy xa cách Bồ Đề ví như trời với đất”?

Đáp: Xét về mặt lý thì chánh thể của Bồ Đề là vô tướng; nay lại tác tướng để cầu thì chẳng xứng lý cho nên nói là “người ấy xa cách”. Vì thế kinh dạy: “Bồ Đề chẳng thể dùng tâm để được, chẳng thể dùng thân để được”. Ở đây, ý nói hành giả tuy biết tu các hạnh để cầu được vắng sanh, nhưng thấu hiểu rành rành là lý thể vô cầu cho nên chẳng hoại giả danh; bởi thế, tu trọn vẹn hạnh thì có thể cảm được [Bồ Đề]. Do đó, Đại Trí Độ Luận mới viết: “Nếu ai thấy Bát Nhã thì là bị trói buộc, nếu chẳng thấy Bát Nhã thì cũng là bị trói buộc. Nếu thấy Bát Nhã thì là giải thoát. Nếu chẳng thấy Bát Nhã thì cũng là giải thoát”. Bồ Tát Long Thọ giải thích: “Ở trong đây mà chẳng rời khỏi tứ cú (1) thì bị trói buộc; rời được tứ cú thì sẽ giải thoát”. Nay cầu Bồ Đề thì chỉ nên tu hành như vậy, đây chính là “chẳng hành mà hành”. Chẳng hành mà hành chính là chẳng trái nghịch đại đạo lý Nhị Đế vậy.

Hơn nữa, theo tác phẩm Tịnh Độ Luận của ngài Thiên Thân thì: “Phàm muốn phát tâm hiệu thâu Vô Thượng Bồ Đề thì có hai nghĩa:

- Một là trước hết phải lìa bỏ ba thứ pháp trái nghịch với Bồ Đề môn.
- Hai là phải biết hai thứ pháp thuận Bồ Đề môn.

Những gì là ba? Một là nương vào Trí Huệ Môn chẳng cầu mình được sung sướng, xa lìa tâm chấp ngã, tham đắm thân mình. Hai là thuận theo Từ Bi Môn để dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh, xa lìa cái tâm làm cho chúng sanh chẳng được an ổn. Ba là thuận theo Phương Tiện Môn, tâm xót thương hết thảy chúng sanh, xa lìa tâm cung kính, chăm chút thân tâm mình. Đây gọi là xa lìa ba pháp trái nghịch với Bồ Đề môn.

Thuận Bồ Đề môn là Bồ Tát xa lìa ba pháp trái nghịch với Bồ Đề môn như trên thì liền được ba thứ pháp thuận Bồ Đề môn. Những gì là ba? Một là tâm vô nhiễm thanh tịnh, chẳng vì tự thân cầu các sự vui. Bồ Đề là chốn thanh tịnh vô nhiễm; nếu vì tự thân cầu các vui thì chính là trái nghịch với Bồ Đề môn. Vì thế tâm vô nhiễm thanh tịnh là thuận Bồ Đề môn. Hai là tâm an thanh tịnh vì dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh. Bồ Đề an ổn là chỗ thanh tịnh của hết thảy chúng sanh; nếu chẳng khởi tâm dẹp tan tử khổ cho hết thảy chúng sanh thì là trái nghịch với Bồ Đề. Vì thế dẹp khổ cho hết thảy chúng sanh là thuận với Bồ Đề môn. Ba là tâm vui thanh tịnh, muốn cho hết thảy chúng sanh đắc Đại Bồ Đề, dẫn dắt chúng sanh về cõi nước [Cực Lạc] kia. Bồ Đề là chốn thường vui rất ráo; nếu chẳng khiến cho hết thảy chúng sanh được hưởng niềm vui rất ráo thường hằng thì là trái nghịch với Bồ Đề môn. Dựa vào đâu để đạt được niềm vui thường hằng rất ráo ấy? Phải dựa vào Đại Nghĩa Môn. Đại Nghĩa Môn chính là cõi Phật An Lạc vậy. Vì thế, [chư Phật, Bồ Tát] mới muốn cho [chúng sanh] một dạ chuyên chí nguyện sanh về cõi kia để họ sớm hiểu được Vô Thượng Bồ Đề vậy”.

B2. Phá dị kiến tà chấp:

Trong phần này gồm có chín ý:

- Một là phá những vọng chấp, dị kiến, thiên chấp vào vô tướng của Đại Thừa.

- Hai là giảng cho thông suốt ý nghĩa về ái kiến đại bi của Bồ Tát.
- Ba là phá cái chấp ngoài tâm không có pháp.
- Bốn là phá ý nguyện sanh trong cõi uế, chẳng nguyện sanh về cõi tịnh.
- Năm là phá cái chấp: nếu sanh về Tịnh Độ thì phần đông sẽ ham đắm sự vui.
- Sáu là phá ý tưởng cho rằng cầu sanh Tịnh Độ là Tiểu Thừa.
- Bảy là phá quan niệm: cầu sanh trời Đâu Suất, chẳng quy hướng Tịnh Độ.
- Tám là giảng cho thông suốt rằng cầu sanh về mười phương Tịnh Độ chẳng bằng quy hướng về Tây Phương Cực Lạc.
- Chín là biện định giáo nghĩa “biệt thời ý”.

B2.1 Phá vọng chấp vào Đại Thừa vô tướng:

Trong tiểu đoạn này gồm có hai ý: Một là nêu tổng quát về sự sanh khởi [của những mối vọng chấp ấy] để kẻ hậu học thấy rõ đúng, sai, bỏ tà hướng chánh. Hai là bàn chi tiết về từng mối nghi để phá tan nghi tình.

* Nêu tổng quát vấn đề:

Danh nghĩa trong thâm tạng Đại Thừa nhiều như cát bụi; vì thế kinh Niết Bàn dạy: “Một tên có vô lượng nghĩa, một nghĩa có vô lượng tên”. Cần phải xét suy khắp các kinh điển thì mới thấu hiểu được yêu chỉ của từng bộ kinh, chứ chẳng phải như kinh sách Tiểu Thừa hay sách vở thế tục, chỉ cần căn cứ vào câu văn là lãnh hội được ý nghĩa. Vì sao lại phải như thế? Chỉ vì kinh, luận Tịnh Độ sâu thẳm, [ý nghĩa] hoặc ẩn, hoặc hiển đến nỗi phàm tình bỡ ngỡ. Sợ họ bị vướng vào lời dối tua tua, trăm mối thiên chấp sai lầm tạp loạn vô tri [đến nỗi] phương ngại việc vãng sanh nên nay tôi bèn nêu lên đôi điều để lần lượt đả phá.

* Thứ nhất là vọng chấp vào vô tướng Đại Thừa.

Hỏi: Nếu có kẻ bảo: Đại Thừa vô tướng chẳng luận đây, kia. Nếu nguyện sanh về Tịnh Độ thì chính là chấp tướng, lậu phược càng tăng thêm, cầu sanh làm chi?

Đáp: Chấp như vậy chẳng đúng. Vì sao? Hết thầy chư Phật nói pháp cần phải đủ cả hai duyên: Một là dựa vào Thật Lý của pháp tánh; hai là phải thuận theo Nhị Đế (2). Nếu chấp vào vô niệm của Đại Thừa thì mới chỉ là dựa theo pháp tánh, còn nếu báng rằng chẳng cần phải cầu thì lại chẳng thuận theo Nhị Đế. Kiến giải như vậy là bị đọa vào kiến chấp Diệt Không. Vì thế, kinh Vô Thượng Y mới chép: “Phật bảo A Nan: Dù hết thầy chúng sanh khởi lên Ngã Kiến [to] như núi Tu Di, ta vẫn chẳng sợ. Vì sao vậy? Tuy những kẻ ấy chưa được xuất ly nhưng thường chẳng hoại nhân, quả, chẳng làm quả báo. Nếu khởi lên Không Kiến dấu chỉ bằng hạt cải thì ta chẳng chấp nhận. Vì sao thế? Cái thấy như vậy phá hoại nhân quả, phần nhiều sẽ bị đọa vào nẻo ác. Sanh trong đời sau ắt sẽ chống trái lời dạy của ta”. Nay khuyên hành giả: Tuy về lý là vô sanh nhưng trong đạo lý Nhị Đế thì chẳng phải là không cần phải cầu cho hết thấy được vãng sanh.

Do đó, kinh Duy Ma Cật dạy: “Tuy quán cõi nước của chư Phật và chúng sanh là không, nhưng thường tu Tịnh Độ, giáo hóa các quần sanh”. Kinh ấy còn dạy: “Tuy hành vô tác mà hiện thọ thân; ấy là hạnh Bồ Tát. Tuy hành vô khởi mà khởi hết thấy hạnh lành; ấy là hạnh Bồ Tát”. Đây là lời chứng chơn thật vậy.

Hỏi: Nay trong đời có kẻ hành Đại Thừa vô tướng chẳng chấp là đây hay kia, nhưng trọn chẳng giữ giới tướng thì nghĩa là làm sao?

Đáp: Chấp như vậy tai hại rất sâu. Vì sao? Như kinh Đại Phương Đẳng đã dạy:

“Vì ưu bà tắc mà đức Phật lập ra giới cấm: chẳng được tới nhà quả phụ, gái trinh, nhà nấu rượu, nhà nhuộm chàm, nhà ép dầu, nhà thuộc da đều chẳng được vãng lai. A Nan bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Vì sao đối với những hạng người như vậy mà lập ra giới này?’

Phật bảo A Nan: - Hành giả có hai thứ: một là hành giả trong thế gian, hai là hành giả xuất thế gian. Đối với người xuất thế, ta chẳng cấm những sự trên; còn đối với người thế tục, nay ta ngăn cấm. Vì sao vậy? Hết thấy chúng sanh đều là con ta; Phật là phụ mẫu của hết thấy chúng sanh. Phật ngăn cấm, ước thúc để họ sớm thoát khỏi thế gian, chứng đắc Niết Bàn”.

B2.2 Giảng cho thấu suốt về ái kiến đại bi của Bồ Tát:

Hỏi: Căn cứ theo Đại Thừa thánh giáo thì nếu Bồ Tát đối với các chúng sanh mà khởi lên ái kiến đại bi thì liền phải nên xả ly. Nay lại khuyên chúng sanh cùng sanh Tịnh Độ, há chẳng phải là ái nhiễm, chấp lấy tướng đây ư?

Đáp: Hạnh pháp công dụng của Bồ Tát có hai thứ. Đó là gì? Một là chứng Không Huệ Bát Nhã. Hai là đầy đủ Đại Bi.

Một là nhờ vào sức tu Không Huệ Bát Nhã nên dầu có vào trong sanh tử sáu đường vẫn chẳng bị trần nhiễm trói buộc.

Hai là do vì Đại Bi nghĩ tưởng đến chúng sanh nên chẳng trụ trong Niết Bàn; tuy Bồ Tát ở trong Nhị Đế nhưng thường có thể khéo bỏ được cả hữu lẫn vô.

Đối với lấy, bỏ, Bồ Tát đã đạt được Trung Đạo, chẳng trái với đại đạo lý. Vì thế kinh Duy Ma có dạy: “Vị như có người muốn tạo lập cung điện ở nơi đất trống thì tùy ý vô ngại; còn nếu muốn tạo dựng trên hư không thì trọn chẳng thành được. Cũng giống như vậy, vì muốn thành tựu chúng sanh nên Bồ Tát nguyện nhiếp thủ cõi Phật”. Nguyện nhiếp thủ Phật quốc thì chẳng phải là thuộc về Không vậy.

B2.3 Phá cái chấp ngoài tâm không pháp

Trong phần này, có hai ý: một là phá chấp; hai là vấn đáp, giải thích.

* Hỏi: Nếu có kẻ nói rằng: Tịnh cảnh được quán tưởng đó là thuộc về nội tâm. Tịnh Độ dung thông, cứ hể tâm tịnh là sẽ đạt được; ngoài tâm không có pháp, cần gì phải quy về Tây Phương?

Đáp: Về mặt lý thì Pháp Tánh Tịnh Độ dung thông rộng rang, thể không hạn cuộc riêng ở một chỗ nào. Ấy là vô sanh mà sanh, chỉ bậc thượng sĩ mới chứng nhập nổi. Vì thế, kinh Vô Tự Bảo Khiếp dạy: “Này thiện nam tử! Lại có một pháp là điều giác ngộ

của Phật, tức là: Các pháp chẳng đến, chẳng đi, không nhân, không duyên, chẳng sanh, chẳng diệt, không nghĩ, không chẳng nghĩ, không tăng, không giảm.

Phật bảo La Hầu La: ‘Nay người nên thọ trì chánh pháp nghĩa của ta vừa nói đây’. Lúc bấy giờ, chín ức Bồ Tát trong mười phương liền bạch Phật rằng: ‘Chúng con đều có thể thọ trì pháp môn này và sẽ vì chúng sanh lưu truyền chẳng dứt’.

Thế Tôn đáp rằng:

- Hạng thiện nam tử ấy chính là kẻ hai vai gánh vác Bồ Đề. Họ liền sẽ được biện tài chẳng dứt, được [sanh trong] những thế giới lành thanh tịnh của chư Phật. Lúc mạng chung, họ liền được thấy A Di Đà Phật cùng các thánh chúng hiện đến trước mặt, sẽ được vãng sanh. Còn như hạng trung căn, hạ căn chưa phá được tướng thì cần phải nương vào nhân duyên tin Phật để cầu sanh Tịnh Độ. Tuy đã sanh về cõi kia nhưng vẫn ở trong cõi hữu tướng’.

Kinh còn dạy: “Nếu thâm tóm các duyên về cõi gốc thì ngoài tâm không có pháp. Nếu phân ra Nhị Đế để làm rõ nghĩa thì Tịnh Độ nào trở ngại gì đối với cái pháp ngoài tâm ấy đâu!”

* Giải thích, vấn đáp:

Hỏi: Trên đã nói là chỉ hạng thượng sĩ mới chứng nhập nổi “vô sanh mà sanh” còn hạng trung hạ căn chẳng kham được, đó chính là đem người sánh với pháp để phán định như thế, ngài có thể nêu thánh giáo làm chứng hay chăng?

Đáp: Theo Trí Độ luận: “Tân phát ý Bồ Tát căn cơ, kiến giải yếu kém, tuy nói phát tâm nhưng phần nhiều nguyện sanh về Tịnh Độ. Nghĩa là sao? Ví như trẻ thơ chẳng được gần gũi mẹ cha chăm sóc thì sẽ bị sảy hầm té giếng hoặc bị nạn rắn, nạn lửa v.v... hoặc khát sữa mà chết; cần phải được mẹ cha vỗ về, tắm rửa, nuôi nấng thì mới khôn lớn, mới nổi được gia nghiệp. Bồ Tát cũng vậy, nếu phát được tâm Bồ Đề thì phần nhiều nguyện sanh về Tịnh Độ để thân cận chư Phật, tăng trưởng Pháp Thân rồi mới có thể gánh vác, tiếp nối gia nghiệp của Bồ Tát và cứu giúp cả mười phương. Do những lợi ích như vậy nên phần nhiều các vị Bồ Tát nguyện được vãng sanh”.

Luận ấy lại viết tiếp: “Ví như chim con lông cánh chưa mọc đủ thì chẳng thể thúc bách nó bay cao được; trước hết phải nương cành chuyền nhánh. Khi lông mọc đầy đủ, có đủ sức thì mới có thể rời khỏi rừng để bay lên không. Tân phát ý Bồ Tát cũng thế, trước hết phải nương vào nguyện [lực của Phật] để cầu được sanh về chỗ đức Phật. Khi Pháp Thân toàn vẹn rồi thì mới thuận theo chỗ nào cảm ứng thì đến đó để làm lợi ích”.

Lại như A Nan bạch Phật rằng: “Vô Tướng Ba La Mật này nên thuyết ở chỗ nào?”

Phật dạy: ‘Pháp môn như thế nên nói với bậc đã thuộc địa vị A-tì-bạt-trí. Vì có sao? Có hạng tân phát ý Bồ Tát nghe Vô Tướng ba la mật này thì tất cả thiện căn thanh tịnh đều sẽ bị hư mất hết’. Thêm nữa, chỉ cần được sanh về cõi kia rồi thì hết thấy sự sẽ đều rốt ráo, cần gì phải tranh biện là lý này sâu hay cạn nữa!

B2.4 Phá kiến chấp nguyện sanh vào uế độ, chẳng nguyện sanh trong Tịnh Độ

Hỏi: Hoặc có kẻ nói: Nguyên sanh vào uế độ để giáo hóa chúng sanh, chứ chẳng nguyên sanh trong Tịnh Độ, việc ấy ra sao?

Đáp: Hạng người này cũng có một hạng, hạng gì? Đó là bậc đã ở vào địa vị từ Bất Thoái trở lên; do vì hóa độ chúng sanh tạp ác nên mới ở trong chỗ nhơ mà chẳng bị nhiễm, gặp ác chẳng bị biến cải, giống như ngỗng, vịt vào trong nước mà nước chẳng thấm ướt chúng được. Hạng người như thế mới kham sống nổi trong cõi uế để dẹp khổ [cho chúng sanh]. Nếu thật sự còn là phàm phu thì chỉ e tự mình tu hành còn chưa vững, hễ gặp khổ liền bị biến đổi, muốn cứu giúp người khác nhưng lại bị chìm đắm chung với họ, giống như ép gà lội xuống nước, há nó chẳng bị ướt hay sao? Do đó, luận Trí Độ mới viết: “Nếu phàm phu phát tâm nguyện ở trong uế độ để vớt chúng sanh thì thánh ý chẳng chấp thuận”.

Vì sao vậy? Bồ Tát Long Thọ giải thích: “Ví như băng đóng kín cả bốn mươi dặm, nếu như có một người dùng một đấu nước sôi đổ vào thì ngay lập tức băng dường như có giảm bớt. Nhưng qua một đêm đến sáng thì băng lại càng dày hơn trước. Phàm phu phát tâm cứu khổ ở trong cõi này cũng giống như vậy: đối nghịch lại cảnh giới tham sân thì ít mà thuận theo thì nhiều, tự khởi phiền não, sẽ lại đọa trong đường ác vậy”.

B2.5 Phá cái chấp nếu sanh vào Tịnh Độ thì phần đông sẽ tham đắm sự vui.

Hỏi: Hoặc là có kẻ bảo: Trong Tịnh Độ chỉ có sự vui nên rất có thể sẽ ham đắm sự vui đến nỗi bỏ phế việc tu đạo, vậy cần gì phải nguyện vãng sanh?

Đáp: Đã nói là Tịnh Độ thì sẽ chẳng có các uế; nếu bảo là ham đắm sự vui thì chính là tham ái, phiền não, sao còn gọi là Tịnh được nữa? Vì thế Đại kinh dạy: “Trời, người cõi ấy dù đến hay đi, dù tiến hay ngừng, lòng họ không còn ràng buộc”. Trong bốn mươi tám nguyện, cũng có lời nguyện: “Mười phương trời, người đến trong cõi ta nếu ai khởi ý tưởng tham chấp lấy thân thì chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Lại như Đại kinh dạy: “Trời, người cõi ấy không có ưa ghét” thì lẽ nào còn ham đắm sự vui?

B2.6 Phá kiến chấp coi cầu sanh Tịnh Độ thuộc về Tiểu Thừa

Hỏi: Hoặc là có kẻ nói: Cầu sanh về Tịnh Độ chính là Tiểu Thừa nên cần chi phải tu!

Đáp: Điều ấy cũng chẳng đúng. Vì có sao? Vì giáo thuyết Tiểu Thừa hoàn toàn chẳng nói đến chuyện sanh về Tịnh Độ.

B2.7 Đả phá tư tưởng chỉ nguyện sanh lên Đâu Suất, chứ chẳng nguyện quy hướng Tây Phương

Hỏi: Hoặc là có kẻ nói: Nguyên sanh lên Đâu Suất, chẳng nguyện quy Tây, việc ấy thế nào?

Đáp: Hai điều này nghĩa lý chẳng giống nhau, chỉ có chút phần tựa hồ giống nhau. Xét về thể, có bốn điều sai biệt lớn. Những điều ấy là gì?

a. Một là Di Lạc Thế Tôn vì các thiên chúng chuyển bất thoái pháp luân, nếu ai nghe pháp mà sanh khởi lòng tin thì sẽ được lợi ích; đây gọi là lòng tin giống nhau; nhưng số người ham vui, không tin chẳng phải là ít. Hơn nữa, dầu sanh lên trời Đâu Suất nhưng vẫn còn thuộc trong những địa vị còn bị thối chuyển cho nên kinh bảo: “Tam giới chẳng yên, ví như nhà lửa”.

b. Hai là sanh về Đâu Suất thọ mạng chỉ dài bốn ngàn năm. Sau khi mạng chung chẳng tránh khỏi bị lui sụt, đọa lạc.

c. Ba là trên trời Đâu Suất tuy có nước, chim, rừng cây vang ra những tiếng thánh thót, nhưng đó chỉ là những cái duyên phát sanh niềm vui cho chư thiên [khiến họ] thuận theo ngũ dục, chứ chẳng dạy về thánh đạo. Nếu một phen được sanh trong cõi tịnh Di Đà thì sẽ đều là bậc A-tì-bạt-trí, lại chẳng có những kẻ thối thất và loài tạp cư; địa vị lại là vô lậu, vượt khỏi tam giới, chẳng còn bị luân hồi nữa. Luận về thọ mạng thì bằng với thọ mạng của Phật, không cách nào tính toán để biết được nổi. Cõi ấy có nước, chim, cây cối đều có khả năng thuyết pháp khiến cho người nghe ngộ giải, chứng hiểu vô sanh.

d. Bốn là dựa theo Đại kinh, chỉ lấy một thứ âm nhạc để so sánh thì kinh ấy khen ngợi: ‘Từ đế vương cõi trần lên đến trời Lục Dục, âm nhạc đã dần dần trở nên mâu nhiệm hơn đến cả tám điều, [nhạc cõi trên] càng hay hơn [nhạc cõi dưới] gấp vạn ức lần. Tiếng nhạc từ cây báu còn du dương gấp bội hơn thế. Lại có âm nhạc tự nhiên mâu nhiệm, pháp âm trong trẻo hòa điệu sáng khoái tinh thần, dịu dặt thánh thót vượt xa mười phương. Vì thế, con kính lễ bậc Thanh Tịnh Động’.

B2.8 So sánh để thấy rõ sanh về mười phương Tịnh Độ chẳng bằng sanh về Tây Phương

Hỏi: Hoặc có kẻ nói: Nguyện sanh trong mười phương Tịnh Độ chẳng nguyện sanh về Tây Phương, nghĩa ấy ra sao?

Đáp: Ý ấy có ba điều chẳng đúng. Đó là gì?

a. Một là mười phương cõi Phật không có cõi nào là chẳng tịnh; nhưng nếu cảnh rộng thì tâm bị mê muội, còn cảnh hẹp thì ý [dễ] chuyên chú. Vì thế, mười phương đều nguyện vãng sanh Cực Lạc. Kinh chép: ‘Phổ Quảng Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Mười phương cõi Phật đều nghiêm tịnh, vì sao trong các kinh lại riêng khen ngợi cõi Phật A Di Đà ở phương Tây, khuyên nên vãng sanh?

Phật bảo Phổ Quảng Bồ Tát:

- Hết thấy chúng sanh trước loạn thì nhiều, chánh niệm thì ít. Phật muốn cho chúng sanh có chỗ chuyên chí nên đặc biệt khen ngợi cõi kia. Nếu có thể dựa vào bốn nguyện của Phật để tu hành thì không ai là không được lợi ích”.

b. Hai là tuy mười phương Tịnh Độ đều tịnh, nhưng sâu cạn khó biết nổi; tịnh quốc của Phật A Di Đà chính là sơ môn Tịnh Độ. Vì sao biết thế? Theo như kinh Hoa Nghiêm dạy: “Một kiếp trong thế giới Sa Bà là một ngày một đêm nơi Cực Lạc. Một kiếp trong cõi Cực Lạc là một ngày một đêm nơi thế giới Ca Sa Tràng”. Những tướng hơn kém như

thế có đến cả mười a-tăng-kỳ nên ta biết là [cõi Cực Lạc] mới chỉ là sơ môn Tịnh Độ. Bởi vậy chư Phật mới đặc biệt khuyên nên vãng sanh Cực Lạc. Các cõi Phật phương khác chẳng được rành rành như vậy cho nên phần nhiều những ai có lòng tin đều nguyện vãng sanh Cực Lạc.

c. Ba là cõi tịnh của Phật Di Đà chính là cửa ngõ đầu tiên để bước vào Tịnh Độ; thế giới Sa Bà chính là chốn tận cùng của uế độ. Vì sao biết vậy? Như kinh Chánh Pháp Niệm nói: “Ở về phía Đông Bắc cõi này có một thế giới tên là Tu-Ha, đất đai chỉ có đá, cát hình tam giác. Một năm mưa ba lượt, mỗi lần mưa thấm ướt đất không sâu hơn năm tấc. Chúng sanh cõi ấy chỉ ăn trái cây, dùng vỏ cây làm áo, cầu sống chẳng được, cầu chết chẳng xong. Lại có một thế giới, hết thảy hổ, sói, cầm thú cho đến rắn rết thảy đều có cánh bay lượn, hễ gặp nhau liền ăn nuốt chẳng cần phân biệt thiện ác’. Chốn ấy há chẳng gọi là chỗ bắt đầu của uế độ hay sao? [Xét đến] y báo của thế giới Sa Bà đây và [do chúng sanh] cùng ở chung lẫn với hiền thánh nên chỉ có cõi này là chỗ cuối cùng của uế độ. Do thế giới An Lạc là cửa ngõ đầu tiên của Tịnh Độ nên phải tiếp giáp với cảnh giới cõi này; vãng sanh rất tiện sao lại chẳng sanh về?

B2.9 Xét định chỗ mâu thuẫn giữa luận Nhiếp Đại Thừa và kinh này để bàn định về “biệt thời ý”

Trong Quán kinh đây, đức Phật dạy: “Người thuộc hạ phẩm thì trong hiện đời tạo tội nặng, lúc lâm chung gặp được thiện tri thức, mười niệm thành tựu liền được vãng sanh”. Luận Nhiếp Đại Thừa thì cho rằng điều Phật dạy đó là “biệt thời ý” (3). Đa số các nhà sơ giải kinh lại thường hay cho rằng mười niệm lúc lâm chung ấy chỉ tạo thành cái nhân để vãng sanh chứ chưa được vãng sanh ngay. Vì sao biết như vậy? Vì luận Nhiếp Đại Thừa viết: “Như dùng một đồng tiền vàng buôn bán [rời dần dần có] được cả ngàn đồng tiền vàng; chẳng phải là chỉ trong một ngày sẽ đạt được như thế ngay. Vì thế, ta biết được là: Mười niệm thành tựu là chỉ thành tựu được cái nhân, chứ chưa được vãng sanh [thật sự], nên [lời Phật dạy trong Quán kinh] gọi là lời giảng có ý biệt thời”. Hiểu như vậy là chẳng đúng; vì sao? Hệ Bồ Tát tạo luận để giải thích kinh thì đều là muốn hỗ trợ Phật ý, khế hội thánh tâm; chẳng đời nào có bản luận nào lại trái nghịch ý kinh! Nay tôi sẽ giải thích về “lời nói có ý biệt thời”, ấy là: Khi đức Phật thuyết pháp luôn luôn là trước nêu cái nhân, sau bày cái quả, lý lẽ rạn ngời. Trong kinh này đây chỉ nói đến việc tạo nghiệp trong một đời và lúc lâm chung do mười niệm thành tựu liền được vãng sanh, chứ chẳng bàn đến chuyện quá khứ có nhân hay không nhân. Đây chính là đức Thế Tôn muốn tiếp dẫn bọn người tạo ác trong tương lai khiến cho họ lúc lâm chung sẽ xả ác, quy thiện, nương theo câu niệm mà vãng sanh. Đó là Phật ẩn kín tức nhân; vì đức Thế Tôn ẩn giấu cái ban đầu, hiển thị cái chung cuộc, giấu nhân nói quả nên gọi là “lời nói có ý biệt thời”. Vì sao biết như vậy? Vì nếu chỉ mười niệm mà được thành tựu thì phải là đã có nhân quá khứ như kinh Niết Bàn nói: “Nếu ai trong quá khứ đã từng cúng dường nửa hạng hà sa chư Phật, lại đã từng phát tâm thì mới chỉ có thể ở trong đời ác nghe nói kinh giáo Đại Thừa mà chẳng phỉ báng, chứ chưa có thể làm gì khác. Lại nếu ai từng cúng dường một hạng hà sa chư Phật và đã phát tâm thì sau đây khi nghe kinh giáo Đại Thừa mới chẳng những không phỉ báng mà còn thêm ưa thích”. Lấy các kinh đây để suy nghiệm thì biết rõ là “mười niệm thành tựu” đều là do có cái nhân quá khứ chẳng sai vậy. Nếu như không có sẵn nhân trong quá khứ thì còn chẳng gặp được thiện tri thức, huống hồ là thành tựu được mười niệm hay sao?

Đối với câu: “Dùng một đồng tiền vàng để buôn bán [cho đến khi có được] ngàn đồng vàng, chẳng phải là chỉ trong một ngày sẽ đạt được như thế ngay” trong luận Nhiếp Đại Thừa thì nếu xét theo ý Phật, ta thấy là [trong Quán kinh] đức Thế Tôn muốn cho chúng sanh tích tập nhiều nhân lành để nhờ vào câu niệm Phật mà được vãng sanh; còn ý của luận chủ (ngài Vô Trước, tác giả luận Nhiếp Đại Thừa) là muốn nhấn mạnh đến cái nhân quá khứ nên về mặt lý thì [câu nói trên] cũng chẳng mâu thuẫn với Quán kinh. Nếu hiểu như thế thì trên thuận theo kinh Phật, dưới hợp với ý luận, đúng là kinh và luận hỗ trợ nhau, đường vãng sanh thênh thênh chẳng còn nghi hoặc nữa.

B3 Nêu nhiều điều vấn đáp, giải thích để trừ nghi tình

Dưới đây, tôi sẽ dùng luận Đại Trí Độ để trình bày các câu vấn đáp một cách chi tiết.

Hỏi: Từ bao kiếp lâu xa đến nay, hết thấy chúng sanh tạo đủ các nghiệp hữu lậu, bị buộc chặt vào tam giới, thế thì vì sao họ chẳng cần phải đoạn dứt các nghiệp trói buộc trong tam giới, chỉ nhờ vào một chút thời gian niệm A Di Đà Phật sẽ liền được vãng sanh, thoát khỏi tam giới? Phải nên hiểu ý nghĩa của những nghiệp trói buộc ấy như thế nào đây?

Đáp: Có hai cách giải thích: một là dùng pháp để phá [mối nghi], hai là mượn thí dụ để hiển thị [nghĩa lý ấy].

Nói “dùng pháp để phá” nghĩa là chư Phật Như Lai có trí chẳng nghĩ bàn, trí Đại Thừa rộng rãi, không chi bằng, không chi sánh, trí thù thắng tối thượng. Trí chẳng nghĩ bàn có khả năng biến ít thành nhiều, biến nhiều thành ít, biến gần làm xa, biến xa thành gần, chuyển nặng thành nhẹ, chuyển nhẹ thành nặng. Có các trí vô lượng, vô biên như thế chẳng thể nghĩ bàn.

Kể từ đây trở đi, trong mười bốn lần [lập luận], tôi đều dùng thí dụ để hiển thị.

B3.1 Một, ví như trăm người trong trăm năm chắt củi cao đến cả ngàn nhẵn, [nhưng chỉ] một đóm lửa nhỏ bằng hạt đậu [đã có thể] trong vòng nửa ngày đốt cháy sạch hết củi, há có dám bảo là củi chứa cả trăm năm chẳng thể cháy hết sạch trong vòng nửa ngày hay sao?

B3.2 Hai, ví như kẻ thọt ngồi nhờ thuyền người khác chở, vì buồm thuận gió nên trong một ngày đi được cả ngàn dặm, há có dám bảo là trong một ngày, làm sao kẻ thọt đi xa được cả ngàn dặm ư?

B3.3 Ba, cũng giống như kẻ hạ tiện có được một vật quý đem dâng lên vua. Vua mừng được của, bèn trọng thưởng cho. Trong chốc lát, kẻ ấy trở thành phú quý, dư dả, há có nên nói là [xét ra] kẻ sĩ tận sức nhọc nhằn cả mấy mươi năm còn chẳng đạt đến đâu nên phải lui về cho nên bảo là chẳng hề có sự phú quý như vậy ư?

B3.4 Bốn, ví như kẻ yếu đuối dùng sức chính mình để cỡi lừa còn chẳng nổi, nhưng nếu đi theo Luân Vương thì lại bay lên không trung tự tại, há dám bảo là sức kẻ yếu đuối chẳng thể bay nổi lên hư không hay sao?

B3.5 Năm, lại như dây thừng quấn quanh cả mười vòng, ngàn người chẳng bứt được, nhưng đứa bé con vung thanh gươm sắc chặt đứt ngay ra làm đôi, há dám bảo là sức đứa bé con chẳng chặt nổi thừng ư?

B3.6 Sáu, ví như chim Trầm vào trong nước, cá, sò chạm phải [chất độc] đều chết; dùng sừng tê khuấy bùn thì [cá, sò] đã chết sẽ sống lại, há dám bảo là một khi sanh mạng đã đứt thì chẳng thể sống lại nổi ư?

B3.7 Bảy là như lúc chim hoàng hạc gọi Tử An, Tử An liền sống lại, há dám bảo là kẻ đã chôn xuống đất ngàn năm, quyết sẽ chẳng sống lại được nổi?

Hết thầy vạn pháp đều có tự lực, tha lực, tự nhiếp, nhiếp vật khác, ngàn mở, vạn đóng vô lượng vô biên, lẽ nào ông lại cậy vào cái hiểu biết còn có ngăn ngại để rồi ngờ vực pháp vô ngại hay sao? Thêm nữa, trong năm thứ chẳng thể nghĩ bàn, Phật pháp là chẳng thể nghĩ bàn bậc nhất. Ông coi cái nghiệp ràng buộc trong tam giới là trọng, ngờ chuyện niệm Phật trong thời gian ngắn là khinh, sẽ chẳng được vãng sanh cõi An Lạc thuộc vào trong Chánh Định Tự thì thật chẳng đúng vậy!

Hỏi: Kinh Đại Thừa dạy: “Nghiệp đạo như cái cân, bên nào nặng hơn thì chúc xuống [bên đó]”, thế sao chúng sanh trong cả một đời hoặc là suốt trăm năm, hoặc là trong mười năm cho đến tận hôm nay, không điều ác gì chẳng làm thì tại sao lúc lâm chung gặp được thiện tri thức, do mười niệm liên tục liền được vãng sanh? Nếu đúng là như vậy thì làm sao tin được nổi nghĩa lý “nghiệp nào nặng sẽ kéo đi trước”?

Đáp: Ông coi ác nghiệp trong cả một đời là nặng, xem điều thiện mười niệm của kẻ hạ phẩm là nhẹ thì nay tôi sẽ dùng nghĩa lý để so lường ý nghĩa khinh trọng ấy. [Sự khác biệt ấy] rõ ràng là bởi tâm, bởi duyên, bởi quyết định, chứ chẳng phải là do thời gian [niệm Phật] lâu hay mau, nhiều hay ít.

Thế nào là bởi tâm? Tức là khi kẻ ấy tạo tội thì chỉ nương vào cái tâm hư vọng, điên đảo mà làm, còn Thập Niệm đây là nương theo phương tiện của bậc thiện tri thức an ủi, do nghe pháp Thật Tướng mà sanh. Một đấng thật, một đấng hư, há so sánh được ư! Vì sao? Ví như nhà tối suốt ngàn năm, ánh sáng vừa chiếu vào thì sẽ sáng tỏ ngay; há dám bảo là bóng tối cả ngàn năm trong nhà chẳng tan biến hay sao? Vì thế, kinh Di Nhật Ma Ni Bảo chép: “Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: ‘Chúng sanh tuy trong cả bao ngàn vạn ức kiếp ở trong ái dục, bị tội che lấp, nhưng nếu được nghe kinh Phật, một phen nghĩ tưởng điều lành thì tội sẽ liền được diệt hết’. Đây gọi là bởi tâm.

Hai, thế nào là bởi duyên? Chính là khi kẻ ấy tạo tội thì [tội lỗi ấy] chỉ nương theo vọng tưởng, nương theo phiền não, quả báo, chúng sanh mà sanh; còn mười niệm đây nương theo Tín Tâm, nương vào danh hiệu có vô lượng công đức chơn thật thanh tịnh của đức Phật A Di Đà mà sanh. Ví như có người bị trúng tên độc, đứt gân vỡ xương, nếu nghe tiếng trống thuốc Diệt Trừ thì mũi tên sẽ trôi ra, độc liền tiêu ngay, há dám bảo là tên ấy đã lút sâu, độc đã ngấm nặng, dẫu nghe tiếng trống cũng chẳng thể nhổ tên, trừ độc hay sao? Đây gọi là bởi duyên.

Ba, thế nào là bởi quyết định? Lúc kẻ ấy tạo tội, tự nương theo cái tâm hữu hậu, tâm có gián đoạn mà sanh; còn mười niệm đây nương vào cái tâm vô hậu, tâm vô gián mà khởi. Đó là quyết định. Lại nữa, Trí Độ Luận chép: “Hết thầy chúng sanh lúc lâm chung

bị đao phong cắt thân, bị tử khổ đến bức bách, sanh lòng sợ hãi lớn; vì thế, gặp được thiện tri thức, phát đại dũng mãnh, tâm tâm tiếp nối chính là căn lành tăng thượng nên liền được vãng sanh”. Lại giống như người đối địch phá trận đem hết sức lực suốt cả đời mình ra vận dụng trong chốc lát; điều lành mười niệm cũng giống như thế. Lại như người lúc lâm chung nếu sanh khởi một niệm tà kiến, tâm ác tăng thượng thì liền có thể đánh tan cái phước trong tam giới, bị đọa vào trong nẻo ác.

Hỏi: Ở trên vừa nói: Lúc lâm chung, điều lành mười niệm có thể khuynh loát được nghiệp ác trong cả một đời nên sẽ được sanh về Tịnh Độ, nhưng chưa rõ mười niệm ấy là mấy thời?

Đáp: Như kinh dạy rằng: “Một trăm lẻ một lần sanh diệt hợp thành một sát-na, sáu mươi sát-na là một niệm”. Đây là một niệm hiểu theo cách kinh, luận thường giải thích. Ở đây, ta chẳng hiểu “niệm” theo khoảng thời gian có hạn định ấy. Chỉ ức niệm tổng tướng hoặc là biệt tướng của đức A Di Đà Phật, tùy duyên mà quán trong suốt mười niệm, không có niệm tướng nào khác xen tạp thì gọi là “mười niệm”.

[Có thuyết] lại nói: Mười niệm liên tục là danh số của bậc thánh vậy, chỉ cốt giữ niệm lắng lòng chẳng bận tâm đến chuyện gì khác; hề nghiệp đạo (ý nói tịnh niệm) được hoàn thành thì liền thôi không kể tới nữa, cũng chẳng nhọc công ghi nhớ số lần niệm.

Lại nói: Nếu hành nhân niệm Phật đã lâu thì phần nhiều hay dùng cách này; còn nếu là người mới niệm thì ghi nhớ số lần niệm cũng được. Đây cũng là dựa theo thánh giáo [mà luận như thế].

Lại hỏi: Nay tôi muốn tuân theo lời khuyên, thực hành Niệm Phật tam muội, nhưng chưa biết cách thức niệm như thế nào?

Đáp: Ví như có người nghỉ chân nơi đồng hoang, gặp phải oán tặc vung dao hùng hổ chạy đến toan giết. Người ấy bỏ chạy, gặp sông phải vượt qua. Chưa đến bờ sông đã nghĩ thế này: “Đến bên bờ sông rồi thì mình nên cởi áo lội qua, hay là cứ mặc áo mà bơi? Nếu cởi áo lội qua chỉ sợ không kịp. Nếu mặc áo lội, lại sợ khó giữ nổi đầu cổ vịn toàn!” Khi ấy, người đó chỉ dốc một lòng tìm cách vượt sông, không còn có tâm tưởng nào khác xen lẫn. Hành giả cũng vậy: lúc niệm Phật A Di Đà phải cũng giống như kẻ kia nghĩ cách vượt sông; niệm niệm nối nhau, không còn có tâm tưởng nào khác xen tạp. Hoặc là niệm Pháp Thân của Phật, hoặc niệm thần lực của Phật, hoặc niệm trí huệ của Phật, hoặc niệm tướng bạch hào của Phật, hoặc niệm tướng hảo của Phật, hoặc niệm bốn nguyện của Phật. Xung danh cũng vậy: chỉ cốt chuyên chí liên tục chẳng dứt thì quyết định sẽ sanh về trước đức Phật. Nay khuyên người học Phật đời sau: Nếu muốn thấu hiểu Nhị Đế thì chỉ cần biết là niệm niệm bất khả đắc, đây chính là Trí Huệ Môn; còn hệ niệm liên tục chẳng ngắt thì đây là Công Đức Môn. Vì thế, kinh nói: “Bồ Tát Ma Ha Tát luôn dùng công đức trí huệ để tu tâm mình”. Nếu là người mới học, chưa phá được tướng thì chỉ nên dựa vào tướng để chuyên chí thời không ai là không được vãng sanh, chớ có nghi ngờ nữa!

Lại hỏi rằng: Vô Lượng Thọ Đại kinh chép: “Mười phương chúng sanh chí tâm tin ưa muốn sanh cõi ta, dầu chỉ mười niệm mà nếu chẳng được vãng sanh thì ta chẳng lấy ngôi Chánh Giác”. Nay có người đời nghe thánh giáo ấy bèn trọn cả đời hiện tại chẳng hề tác ý, chỉ chờ đến lúc lâm chung mới tu niệm. Việc ấy như thế nào?

Đáp: Việc ấy chẳng đúng. Vì sao? Kinh nói mười niệm liên tục tựa hồ chẳng khó khăn gì, nhưng bọn phàm phu tâm như ngựa hoang, thúc quá khi vượn, rong ruổi theo sáu trần chưa lúc nào ngơi thì ai nấy phải nên phát tín tâm, tự tập niệm Phật sẵn để tạo dần thành thói quen, căn lành kiên cố. Như [trong kinh] Phật bảo đại vương: “Người chứa hạnh lành thì chết không ác niệm, như cây đã nghiêng về phía nào thì khi đổ sẽ đổ xuống phía ấy”. Một khi phong đao xảy đến, trăm nỗi khổ bức bách thân, nếu chẳng từng tu tập từ trước thì làm sao mà tưởng niệm nổi! Ai nấy đều nên kết sẵn ước hẹn với năm ba kẻ cùng chí hướng để lúc lâm chung họ sẽ đến khai ngộ cho, xưng niệm danh hiệu Di Đà cho, nguyện sanh về cõi An Lạc, từng tiếng nói tiếp nhau tạo thành mười niệm. Ví như ấn sấp ấn vào đất sét, ấn nát thì đường ấn hiện. Lúc mạng này dứt chính là lúc sanh về cõi An Dưỡng, một phen đã nhập vào Chánh Định Tự thì còn lo chi nữa! Ai nấy đều nên suy xét cái lợi lớn này; sao còn chưa quyết chí trì niệm vậy?

Lại hỏi: Các kinh, luận Đại Thừa đều nói: “Hết thầy chúng sanh rốt ráo vô sanh dường như hư không”, cứ sao các vị Bồ Tát Thiên Thân, Long Thọ lại đều nguyện vãng sanh?

Đáp: “Chúng sanh rốt ráo vô sanh dường như hư không” vừa nói đó có hai nghĩa:

a. Một là trong cái thấy của phàm phu thì thật có chúng sanh, thật có sanh tử; nhưng nếu xét theo [kiến giải của] Bồ Tát thì sự vãng sanh rốt ráo như hư không, như sừng thỏ.

b. Hai là cái sanh được nói ở đây chính là nhân duyên sanh. Do nhân duyên sanh nên chính là giả danh sanh. Vì là giả danh sanh nên chính là vô sanh; do đó, chẳng trái với đại đạo lý chứ chẳng phải giống như phàm phu cho là thật có chúng sanh, thật có sanh tử.

Lại hỏi rằng: Sanh là gốc của Hữu; cho nên sanh chính là nguồn cội của mọi hệ lụy. Nếu đã biết cái lỗi ấy thì phải nên bỏ sanh để cầu vô sanh mới hòng có kỳ giải thoát. Nay lại khuyên sanh về Tịnh Độ thì chính là “bỏ vô sanh để cầu sanh” thì làm sao hết sanh được?

Đáp: Cõi Tịnh Độ kia sanh từ bốn nguyện thanh tịnh vô sanh của A Di Đà Như Lai chứ chẳng phải như tam giới được sanh ra từ những chấp trước hư vọng của chúng sanh. Vì cứ sao? Đối với pháp tánh thanh tịnh rốt ráo vô sanh mà lại bảo là sanh thì đó chỉ là cái ý tưởng được sanh mà thôi!

Lại hỏi rằng: Như trên vừa nói: Nếu biết sanh chính là vô sanh thì sẽ sanh trong thượng phẩm. Nếu thế, người hạ phẩm nương theo mười niệm để vãng sanh thì hóa ra họ chẳng phải là thật sanh hay sao? Nếu [kẻ thuộc hạ phẩm] thật sự được vãng sanh thì sẽ họ sẽ bị vướng vào hai mối nghi: một là sợ mình chẳng được vãng sanh; hai là điều thiện thuộc về hình tướng ấy chẳng thể tạo thành cái nhân của sự vô sanh được!

Đáp: Để giải mỗi nghi ấy thì có ba điều:

Một là ví như tịnh ma-ni châu đặt trong nước đục; do oai lực của châu nước liền trong veo. Dầu người có vô lượng tội ô trược sanh tử nhưng nếu được bảo châu danh hiệu tốt

bực vô sanh thanh tịnh của đức A Di Đà Như Lai gieo vào trong tâm nhớ thì trong niệm niệm tội diệt tâm tịnh nên liền vắng sanh.

Hai là như tịnh ma-ni châu, dùng lụa vàng hay đen bọc lấy, thả vào nước thì nước liền biến thành màu vàng hay đen tiếp màu với vật. Cõi Phật thanh tịnh kia có bảo châu danh hiệu vô thượng của đức A Di Đà Như Lai, dùng lụa vô lượng công đức thành tựu bọc lấy châu, đem thả trong tâm thủy của người vắng sanh thì lẽ nào chẳng chuyển nói “sanh” thành “trí vô sanh” hay sao?

Ba là như đốt lửa trên mặt băng; lửa mạnh thì băng tan, băng tan lửa liền tắt. Kẻ vắng sanh trong hạ phẩm tuy chẳng biết pháp tánh vô sanh, chỉ nhờ vào sức xưng niệm danh hiệu Phật để tác ý vắng sanh, nguyện sanh cõi kia. Lúc đã đến được cõi vô sanh thì sẽ thấy lửa “sanh” tự nhiên tắt mất.

Lại hỏi rằng: Trong việc vắng sanh vừa nói đó, thân nào sẽ vắng sanh?

Đáp: Trong cõi này, con người giả danh (4) tu các hạnh môn, lấy niệm trước và niệm sau làm nhân. Con người giả danh trong uế độ và con người giả danh trong cõi Tịnh Độ chẳng thể nói quyết định là một, mà cũng chẳng thể nói quyết định là khác. Tâm trước, tâm sau cũng như vậy. Vì có sao? Nếu quyết định là một thì không có nhân quả; nếu quyết định là khác thì chẳng liên tục. Do bởi nghĩa này nên xét về mặt ngang dọc thì tuy có khác, nhưng trước sau vẫn là một hành giả (Ý nói: xét về mặt không gian (ngang) và thời gian (dọc) thì hành giả niệm Phật trong uế độ và người đã được sanh trong Cực Lạc là khác, nhưng thật ra hai người đó vẫn là một).

Lại hỏi rằng: Nếu như hành nhân chỉ cần xưng niệm danh hiệu Phật sẽ trừ được các chướng thì nếu thế, có kẻ lấy ngón tay chỉ mặt trăng, ngón tay ấy cũng có thể phá tan tâm tối hay sao?

Đáp: Chư pháp vạn phần sai khác, chẳng thể gộp hết thành một. Tại sao? Vì vốn có “danh chính là pháp” và “có danh khác với pháp”. “Có danh chính là pháp” là như danh hiệu của Phật, Bồ Tát, âm tiếng của chú thuật, các chương cú trong tu-đa-la (kinh) vậy. Chẳng hạn như sách chú thuật có nói: nói: “Mặt trời mọc lên từ phương Đông có màu vàng hoặc đỏ. Đợi đến giờ Dậu hay Hợi thực hành bí pháp thì bệnh được lành. Lại như có kẻ bị chó cắn bèn nướng xương cọp mà lăn [trên chỗ cắn] sẽ hết bị đau. Hoặc có lúc không có xương cọp thì khéo dùng tay vỗ xoa, miệng kêu: ‘Cọp đến, cọp đến’, bệnh cũng được lành. Lại hoặc là có kẻ chân bị rút gân, nướng cành mộc qua lăn lên thì bệnh liền được lành. Nếu không có mộc qua thì cứ hơ tay xoa lên, miệng gọi: ‘Mộc qua, mộc qua’, bệnh cũng được lành’. Thân ta được hưởng công hiệu ấy là do đâu? Do danh chính là pháp vậy. “Có danh khác với pháp” là như dùng ngón tay để chỉ mặt trăng vậy.

Lại hỏi rằng: Nếu ai chỉ xưng niệm danh hiệu A Di Đà thì sẽ trừ được vô minh tâm tối cho mười phương chúng sanh, sẽ được vắng sanh, thế nhưng có chúng sanh xưng danh, ước niệm mà vô minh vẫn còn, chẳng được mãn nguyện thì nghĩa là làm sao?

Đáp: Là do chẳng tu hành đúng như thật và do danh chẳng tương ứng với nghĩa vậy. Vì sao vậy? [Chẳng tu hành đúng như thật] nghĩa là: chẳng biết Như Lai là Thật Tướng, còn cái thân đây chỉ là cái thân vật chất. Lại còn có ba thứ chẳng tương ứng:

- Một là tín tâm chẳng thuận khi còn khi mất.
- Hai là tín tâm bất nhất, tức là chẳng quyết định.
- Ba là tín tâm chẳng liên tục, tức là bị các niệm khác xen vào, cứ lần lượt theo đuổi các duyên ấy. Nếu có thể [giữ được tín tâm] liên tục thì đây chính là nhất tâm. Cứ hễ đạt được nhất tâm thì tâm thuận.

Đủ cả ba tâm này mà chẳng được vãng sanh thì không bao giờ có lẽ ấy.

C. Trong môn thứ ba, có bốn thứ bàn định:

- Một là bàn về đạo khó hành và đạo dễ hành.
- Hai là luận về thời kiếp lớn, nhỏ sai khác.
- Ba là chỉ rõ [chúng sanh] từ vô thủy kiếp đến nay ở trong tam giới và ngũ đạo, do hai nghiệp thiện, ác phải chịu lấy hai báo khổ và vui, luân hồi vô cùng, thọ sanh vô số.
- Bốn là lấy thánh giáo chứng minh lời chân thật để khuyên đời sau sanh lòng tin cầu vãng sanh.

C1. Bàn về đạo khó hành và đạo dễ hành

Tiểu đoạn này gồm có hai ý:

- Một là chỉ ra hai thứ đạo.
- Hai là vấn đáp, giải thích.

Chúng ta đã tự ở trong hỏa giới, nghĩ thật đáng sợ! Ngưỡng nhờ Đại Thánh dùng ba thứ xe chiêu dụ; nhưng xe dê, xe nai chỉ mới là tạm nghỉ, còn chưa đạt. Phật quả trách những tà chấp gây chướng ngại cho việc hưởng thượng cầu đắc Bồ Đề. Ví như sau đó, quay đầu trở lại thì gọi là “vu hồi”. Nếu thuận theo con đường cỗ xe to chạy để mà đi thì cũng là một cách, nhưng chỉ e mình hiện còn đang ở địa vị thoái chuyển mà đường đi hiểm trở dài xa, đức của mình chưa lập nên sẽ khó bề thăng tiến! Vì thế, Bồ Tát Long Thọ bảo: “Có hai thứ đạo để cầu A-tì-bạt-trí: một là đạo khó hành, hai là đạo dễ hành”.

Đạo khó hành là ở trong đời ngũ trược nhằm lúc không có Phật mà cầu đạt A-tì-bạt-trí thì khó. Những sự khó khăn ấy có nhiều thứ, kể đại lược có năm điều. Những gì là năm? Một là tướng thiện của ngoại đạo làm loạn pháp Bồ Tát; hai là Thanh Văn chỉ tự lợi gây chướng ngại cho lòng đại từ bi; ba là kẻ ác chẳng đoái hoài nên chúng cứ phá hoại hạnh đức thù thắng của người khác; bốn là tất cả trời, người điên đảo thiện quả, phá hoại phạm hạnh của người khác; năm là chỉ có tự lực, không có tha lực gia trì. Các sự như thế mất thấy đầy đầy, ví như đi trên đường bộ thì khổ sở cho nên gọi là “đạo khó hành”.

Đạo dễ hành là tin vào nhân duyên của đức Phật, nguyện sanh về Tịnh Độ, khởi tâm, lập đức, tu các hạnh nghiệp. Nhờ vào nguyện lực của Phật nên liền vãng sanh; do Phật lực trụ trì nên liền thuộc vào hàng Chánh Định Tự của Đại Thừa. Chánh Định Tự chính là địa vị A-tì-bạt-trí bất thoái vậy. Ví như ngồi thuyền theo đường thủy thì nhân cho nên gọi là “đạo dễ hành”.

Hỏi: Bồ Đề đã là một thì tu nhân cũng phải nên chẳng hai, sao ở đây lại gọi sự tu nhân hướng đến Phật quả là đạo khó hành và gọi việc vãng sanh Tịnh Độ để mong chứng đắc Đại Bồ Đề là đạo dễ hành?

Đáp: Hết thầy các hành pháp giảng trong các kinh Đại Thừa đều có tự lực, tha lực, tự nhiếp, tha nhiếp. Tự lực là gì? Ví như có người sợ hãi sanh tử, phát tâm xuất gia, tu Định, phát khởi thần thông, dạo trong tứ thiên hạ; đấy gọi là “tự lực”. Tha lực là gì? Như có kẻ yếu đuối, cậy vào sức chính mình chẳng leo lên lưng lừa nỏi; nhưng nếu tùy tùng Luân Vương thì liền có thể bay lên không du hành tứ thiên hạ. Vì nhờ vào sức của Luân Vương nên gọi là “tha lực”. Cũng thế, chúng sanh ở cõi này khởi tâm, lập hạnh, nguyện sanh Tịnh Độ, đấy chính là tự lực! Lúc lâm chung, A Di Đà Phật Như Lai dùng đài sáng ngời tiếp liền được vãng sanh, đó là tha lực. Bởi vậy, Đại kinh dạy: “Mười phương trời người muốn sanh về cõi ta thì không ai là chẳng lấy đại nguyện nghiệp lực của đức A Di Đà làm tăng thượng duyên”. Nếu chẳng đúng như vậy thì hóa ra bốn mươi tám nguyện là chuyện bịa đặt hay sao? Khuyến hàng hậu học: Đã có tha lực để nương dựa thì chẳng nên tự hạn cuộc lấy mình để cứ phải ru rú mãi trong nhà lửa nữa!

C2. Nói về kiếp lớn, nhỏ:

Như Trí Độ Luận chép: “Kiếp có ba thứ: một là tiểu kiếp, hai là trung kiếp, ba là đại kiếp. Như cái thành rộng bốn mươi dặm, cao thấp cũng thế, trong thành chứa đầy hạt cải. Có chư thiên trường thọ, cứ ba năm đến nhặt bỏ đi một hạt. Cho đến khi hết sạch hạt cải thì gọi là một tiểu kiếp. Hoặc là có cái thành rộng tám mươi dặm, chiều cao cũng thế, chứa đầy hạt cải. [Thời gian để] nhặt bỏ hết hạt cải theo cách giống như trên thì gọi là một trung kiếp. Hoặc có cái thành rộng đến một trăm hai mươi dặm, chiều cao cũng thế, chứa đầy hạt cải. [Khoảng thời gian để] nhặt hết hạt cải đi giống hệt như cách trên đã nói gọi là một đại kiếp.

Hoặc có khối đá to tám mươi dặm chiều cao cũng thế. Có chư thiên trường thọ cứ mỗi ba năm lại dùng áo trời phủ qua một lượt. Áo trời nặng ba thù dùng phát mãi chẳng thôi thì đá ấy mới mòn hết, [khoảng thời gian đó] gọi là một trung kiếp”. [Kích thước] hòn đá nhỏ, hòn đá to [để hình dung tiểu kiếp và đại kiếp thì cứ] dựa theo trung kiếp mà biết, chẳng cần phải thuật đủ.

C3. Trong đề mục thứ ba, có năm ý:

C3.1 Một là từ vô thủy kiếp đến nay, trong cõi này, [chúng sanh] luân hồi vô cùng, thọ thân vô số như Trí Độ Luận ghi: “Ở trong loài người, hoặc là chết nơi nhà họ Trương, sanh vào nhà họ Vương; chết nơi nhà họ Vương, sanh vào nhà họ Lý. Cứ như thế sanh trong khắp cả cõi Diêm Phù Đề. Hoặc là sanh trong cùng một nhà, hoặc sanh vào nhà khác họ; hoặc chết ở Nam Diêm Phù Đề, sanh vào Tây Câu Gia Ni. Như Diêm Phù Đề, ba cõi thiên hạ kia cũng như vậy. Hoặc giả chết trong Tứ Thiên Hạ (5), sanh nơi tứ thiên vương thiên cũng thế. Hoặc chết nơi tứ thiên vương thiên, sanh trời Đạo Lợi. Chết nơi trời Đạo Lợi, sanh trong cõi phía trên tầng trời Tứ Thiên cũng vậy. Sắc giới có mười tám tầng trời; Vô Sắc giới có bốn tầng trời. Chết đây sanh kia, mỗi mỗi đều giống như vậy. Hoặc chết nơi Sắc giới sanh trong A Tì địa ngục. Chết từ A Tì địa ngục, sanh trong các cõi địa ngục khác nhẹ hơn. Chết trong các địa ngục nhẹ, sanh trong súc sanh. Chết trong súc sanh, sanh trong ngạ quỷ đạo. Chết nơi ngạ quỷ đạo, sanh trong trời hoặc người. Luân hồi sáu nẻo như vậy, chịu hai thứ báo khổ và vui, sanh tử vô cùng”. Thai sanh là như vậy, ba cách sanh kia (noãn, thấp, hóa) cũng giống như thế.

Vì thế, kinh Chánh Pháp Niệm dạy: “Bồ Tát hóa sanh bảo các thiên chúng rằng: ‘Phàm nhân trong trăm ngàn kiếp sống nơi đây, cứ ham vui, phóng dật, chẳng tu đạo, chẳng biết phước xưa dần dần sẽ tận, sẽ lại đọa trong tam đồ chịu các khổ’. Do đó, kinh Niết Bàn dạy: “Thân này là do các khổ hợp thành, hết thấy đều bất tịnh: nghẽn, buộc, ung loét... [xét đến] căn bản thì thân này chẳng có ích lợi gì. Thậm chí, thân của chư thiên cũng giống như vậy”.

Bởi đó, kinh ấy lại dạy: “Phải siêng tu, đừng phóng dật, vì có sao? Phóng dật chính là cội gốc của các điều ác; chẳng phóng dật chính là cội nguồn của các điều thiện. Như ánh sáng mặt trời, mặt trăng sáng nhất trong các thứ ánh sáng; chẳng phóng dật cũng lại như vậy, nó là cùng tốt nhất, cao cả nhất trong các thiện pháp. Cũng như núi chúa Tu Di là cùng tốt nhất, cao nhất trong các núi; pháp chẳng phóng dật cũng giống như vậy: trong các thiện pháp nó là cùng tốt nhất, cao cả nhất. Vì có sao? Hết thấy ác pháp do phóng dật mà sanh, hết thấy pháp lành lấy chẳng phóng dật làm gốc”.

C3.2 Hỏi: Tuy nói là từ vô thủy kiếp đến nay, luân hồi sáu nẻo không bờ bến, nhưng chẳng biết là trong một kiếp sẽ thọ mấy thân mà nói là lưu chuyển?

Đáp: Như kinh Niết Bàn nói: “Lấy cỏ cây trong khắp tam thiên đại thiên thế giới cắt thành từng cái thẻ dài bốn tấc để đếm số đầu cha mẹ thọ thân trong một kiếp còn chẳng đếm hết nổi”. Hoặc nói: “Trong một kiếp uống sữa mẹ còn nhiều hơn nước bốn đại hải”. Hoặc nói: “Xương từ nơi các thân trong một kiếp chất đồng như núi Tỳ Phú La”. Như thế, từ bao kiếp xa xưa đến nay chúng ta chịu đựng sanh tử, cho đến giờ đây vẫn còn là thân phàm phu, có bao giờ tự nghĩ ngợi than thở thương cảm hay chẳng?

C3.3 Hỏi: Đã nói là từ vô thủy kiếp đến nay thọ thân vô số, nhưng đó vẫn chỉ là nói chung chung để khiến người sanh chán [tam giới], có kinh văn nào để dẫn chứng hay chẳng?

Đáp: [Những điều vừa nói đó] đều có thánh giáo làm bằng cứ, kinh nào vậy? Như kinh Pháp Hoa dạy: “Trong đời quá khứ lâu xa chẳng thể nói được có đức Phật xuất thế hiệu là Đại Thông Trí Thắng Như Lai, có mười sáu vương tử, mỗi vị đều lên pháp tòa giáo hóa chúng sanh. Mỗi một vị vương tử đều giáo hóa sáu trăm vạn ức na do tha hằng hà sa chúng sanh”. Từ khi đức Phật ấy diệt độ đến nay, thật là rất lâu xa chẳng biết nổi được số. Vì sao? Kinh nói: “Đem hết tất cả đại địa trong tam thiên đại thiên thế giới nghiền làm mực. Phật dạy: Người ấy đi qua ngàn cõi nước mới chấm xuống một điểm to bằng vi trần. Lần lượt như thế cho đến hết sạch lượng mực chế bằng đất ấy. Phật bảo: ‘Đem những cõi nước kể ấy đi qua dù chấm hay không chấm, đều nghiền thành bụi cả. Cứ một bụi là một kiếp thì từ khi đức Phật ấy diệt độ đến nay, [thời gian] lại còn hơn số ấy”. Chúng sanh ngày nay từng thọ giáo pháp dưới tòa của mười sáu vị vương tử khi ấy. Vì thế kinh nói: “Vốn do nhân duyên ấy nên nói kinh Pháp Hoa”. Kinh Niết Bàn cũng nói: “Một đấng là vương tử, một đấng là kẻ nghèo, hai người như thế qua lại với nhau”. Nói “vương tử” là chỉ đức Thích Ca Như Lai hiện tại chính là một trong mười sáu vị vương tử khi ấy; còn nói “kẻ nghèo” là chỉ cho bọn chúng sanh ngày nay.

C3.4 Hỏi: Đã bảo là bọn chúng sanh bị lưu chuyển nhiều kiếp, nhưng trong tam giới họ thọ thân trong đường nào nhiều nhất?

Đáp: Tuy nói là lưu chuyển, nhưng phần nhiều thọ thân trong tam ác đạo như kinh có dạy: “Ở trong hư không, đo lấy một khoảng rộng chừng tám châu (6) tính từ mặt đất lên tới trời Sắc Cứu Cánh. Trong khoảng ấy, tất cả chúng sanh mà ta thấy được phần nhiều là thân trời hay thân người trong tam thiên đại thiên thế giới”. Do đó, ta biết là thọ thân trong ác đạo thật nhiều. Vì sao như vậy? Chỉ vì pháp ác dễ khởi, tâm lành khó sanh. Hiện giờ đây chỉ thấy chúng sanh trong hiện tại nếu được phú quý thì lại chỉ lo phóng dật, phá giới; trong cõi trời kẻ ham vui cũng nhiều. Vì vậy, kinh nói: “Chúng sanh lưu chuyển luôn lấy ba ác đạo làm nhà thường ở; còn đường trời, người chỉ tạm đến rồi đi như là nhà trọ vậy”. Xin mượn luận Đại Trang Nghiêm để khuyên hết thấy chúng sanh thường phải hệ niệm hiện tiền, kệ rằng:

Lúc khỏe không bệnh tật,
Biếng lười chẳng tinh tấn
Luôn tham công tiếc việc
Chẳng tu Thí, Giới, Thiền,
Chợt bị cái chết nuốt
Mới hối, cầu tu thiện
Bậc trí nên quán sát,
Dứt trừ ý ngũ dục,
Siêng năng tu tâm mình,
Lâm chung không hối hận,
Tâm ý đã chuyên chí,
Không còn niệm làm loạn.
Bậc trí siêng dốc lòng,
Lâm chung ý chẳng tán.
Chẳng tập tâm chuyên chí,
Lâm chung ắt tán loạn.
Nếu khi tâm tán loạn,
Như cỡi ngựa dùng cương,
Hoặc như khi chiến đấu,
Xoay chuyển chẳng thẳng tiến.

C3.5 Hỏi: Hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, từ bao kiếp đến nay lẽ ra nên gặp được nhiều đức Phật, do nhân gì mà mãi đến nay cứ tự luân hồi sanh tử, chẳng thoát khỏi nhà lửa?

Đáp: Xét theo Đại Thừa thánh giáo thì chẳng qua là vì chẳng có được hai thứ thắng pháp để đánh tan sanh tử nên không ra khỏi nhà lửa được. Những gì là hai? Một là thánh đạo; hai là vắng sanh Tịnh Độ. Hiện thời khó chúng nổi thánh đạo ấy, một là do xa cách đức Phật đã lâu; hai là vì Lý sâu nên chỉ hiểu được chút ít. Vì thế kinh Đại Tập Nguyệt Tạng nói: “Ta thấy trong đời mạt pháp, ức ức chúng sanh khởi hạnh tu đạo nhưng chưa có một kẻ nào chứng đắc”. Nay là thời Mạt Pháp, hiện đang là đời ác năm trước nên chỉ có một môn Tịnh Độ mới là con đường thông suốt. Vì vậy, Đại kinh nói: “Nếu có chúng sanh dù chỉ suốt đời tạo ác, lúc mạng sắp dứt, mười niệm liên tục xưng danh hiệu ta mà nếu chẳng được vắng sanh thì chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Hơn nữa, chúng sanh đều chẳng biết tự lượng sức: Xét theo Đại Thừa, họ chưa từng chú tâm đến Chơn Như Thật Tướng, Đệ Nhất Nghĩa Không; còn nếu xét theo Tiểu Thừa thì từ việc chứng nhập, lãnh hội Thánh Đế, tu đạo, cho đến [chứng quả] Na Hàm, La Hán, đoạn ngũ hạ, trừ ngũ thượng, chẳng luận là đạo hay tục, họ tuyệt nhiên chẳng có phần. Ví dù có hưởng được

quả báo trời, người thì cũng đều là do Ngũ Giới, Thập Thiện chiêu cảm những quả báo ấy; nhưng kẻ giữ được đã rất hiếm. Còn như bàn đến chuyện khởi ác, tạo tội thì có khác gì gió lốc mưa cuồng! Vì vậy, chư Phật đại từ bi khuyên nên quy hướng Tịnh Độ. Dầu cho suốt đời tạo ác, chỉ cần dốc lòng chuyên tinh thường hay niệm Phật thì hết thấy các chướng tự nhiên tiêu trừ, quyết được vãng sanh. Sao chẳng xét nghĩ, không bận tâm gì cả vậy?

C4. Lấy thánh giáo chứng thật để khuyên tin tưởng, cầu được vãng sanh:

Theo như kinh Quán Phật Tam Muội chép: “Lúc bảy giờ, trong hội có Tài Thủ Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con nhớ đời quá khứ vô lượng kiếp, có đức Phật xuất thế cũng tên là Thích Ca Mâu Ni Phật. Sau khi đức Phật ấy diệt độ rồi có một vương tử tên là Kim Tràng: kiêu mạn, tà kiến, chẳng tin chánh pháp. Có tri thức thì khéo tên là Định Tự Tại, bảo vương tử rằng: ‘Trong đời có tượng Phật thật là đáng yêu, hãy nên tạm vào tháp xem hình tượng Phật’. Khi ấy, vương tử theo lời bạn lành vào tháp quán tượng, thấy tượng đẹp dễ, bảo với tỳ kheo: “Tượng Phật còn đoan nghiêm đến thế, huống hồ là chơn thân của Phật”. Tỳ kheo bảo rằng: “Vương tử! Ngài nay đã thấy Phật tượng mà chẳng lễ kính sao?” [Vương tử] bèn xưng ‘Nam Mô Phật’. Vương tử về cung chăm chăm nghĩ mãi đến tượng Phật trong tháp, vào lúc cuối đêm mộng thấy tượng Phật, tâm hoan hỉ lớn bèn, xả ly tà kiến, quy y Tam Bảo. Khi thọ mạng dứt, do công đức vào tháp niệm Phật nói trên liền được gặp gỡ chín trăm ức na do tha Phật. Ở nơi chư Phật, thường siêng năng tinh tấn, luôn đặc Niệm Phật tam muội rất sâu. Do sức của Niệm Phật tam muội đều được chư Phật hiện tiền thọ ký cho. Từ ấy trở đi, trong trăm vạn a tăng kỳ kiếp chẳng đọa ác đạo, cho đến ngày nay chứng được Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Vương tử khi ấy nay chính là Tài Thủ con đây’.

Lúc bảy giờ, trong hội có mười phương các đại Bồ Tát, số đến vô lượng ai nấy đều nói bốn duyên là đều nhờ vào Niệm Phật mà chứng đắc. Phật bảo A Nan:

- Quán Phật tam muội là thuốc cho hết thấy chúng sanh phạm tội, là sự hộ vệ cho kẻ phá giới, là người dẫn đường cho kẻ lạc đường, là mắt cho kẻ mù lòa, là trí huệ cho kẻ ngu si, là đèn soi tăm tối, là ông tướng đại dũng mãnh giữa đám giặc phiền não, là chỗ dạo chơi của chư Phật Thế Tôn, là chỗ phát sanh đầu tiên của các đại tam muội như Thủ Lăng Nghiêm v.v...

Phật bảo A Nan:

- Ông nay khéo trì, chớ để quên mất, quá khứ, vị lai, hiện tại tam thế chư Phật đều giảng Niệm Phật tam muội như thế. Ta với mười phương chư Phật và ngàn đức Phật trong Hiền kiếp từ lúc mới phát tâm đều do sức của Niệm Phật tam muội mà đắc Nhất Thiết Chứng Trí’.

Lại như kinh Mục Liên Sở Vấn chép: ‘Phật bảo Mục Liên: ‘Ví như trên ngàn con sông to nước chảy mạnh, có những thứ cỏ, cây trôi nổi, trước chẳng đoái sau, sau chẳng ngó trước mà đều vào trong biển lớn cả. Thế gian cũng vậy, dầu có hào quý, giàu vui tự tại nhưng tất cả đều chẳng thoát khỏi sanh, lão, bệnh, tử. Chỉ vì chẳng tin kinh Phật nên đời sau làm người lại thật khốn khổ, chẳng thể được sanh trong ngàn cõi nước Phật. Vì

thế, ta nói: cõi Phật Vô Lượng Thọ dễ qua, dễ đạt mà con người chẳng chịu tu hành vãng sanh, lại chạy theo chín mươi lăm thứ tà đạo. Ta nói kẻ ấy là kẻ không mắt, đáng gọi là kẻ không tai”.

Kinh giáo đã như vậy, sao chẳng bỏ cái khó để nương theo cái đạo dễ hành vậy thay!

An Lạc Tập quyền thượng hết

(Phật lịch 2545, Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa dịch xong ngày 10 tháng 05 năm 2001)

- (1) Tứ cú: có, không, cũng có cũng không, chẳng có chẳng không.
- (2) Nhị đế: Chơn Đế và Tục Đế.
- (*) Trong chánh văn, không ghi rõ bài kệ này trích từ bản kinh hay bộ luận nào.
- (3) Biệt thời ý: Quan điểm cho rằng chúng sanh tạo ngũ nghịch, thập ác không được vãng sanh trong hiện thời. Mười niệm thành tựu chỉ tạo thành nhân duyên để được vãng sanh trong đời sau hay trong tương lai. Do chẳng được vãng sanh trong hiện tại nên gọi là “biệt thời” (thời khác). Nhiếp Luận cho rằng đức Phật nói những chúng sanh ấy vẫn được vãng sanh trong đời này chỉ là để khuyến khích nên gọi chung khái niệm này là “biệt thời ý”.
- (4) Con người giả danh (giả danh nhân): Con người do tứ đại cùng các tâm vương, tâm sở giả hợp thành nên gọi là giả danh nhân.
- (5) Tứ thiên hạ: chỉ thế gian, gồm bốn đại châu: Diêm Phù Đề, Đông Thắng, Tây Ngưu, Bắc Câu Lô. Do bốn châu này ở dưới tầng trời Tứ Thiên Vương nên thế gian này thường được gọi là Tứ Thiên Hạ.
- (6) Châu hay chửu là đơn vị đo lường thời cô, thường còn được dịch là một khủy tay.

An Lạc Tập

Sa môn Thích Đạo Xước soạn

Chứng nghĩa: Hòa Thượng Thích Đồng Minh

Chuyển ngữ: Như Hòa

Quyển hạ

D. Trong đề mục lớn thứ tư, có ba ý bàn định:

- Thứ nhất là như các vị Tam Tạng pháp sư Ấn Độ cùng các vị đại đức cõi này (Trung Hoa) đều cùng xét kỹ thánh giáo, khen ngợi quy hướng Tịnh Độ nên nay dùng [gương những vị ấy] để khuyên quy hướng.
- Thứ hai, căn cứ vào tông chỉ của kinh này và các bộ kinh Đại Thừa khác thì phàm, thánh tu chứng phần nhiều lấy Niệm Phật tam muội làm môn chính yếu.
- Thứ ba, vấn đáp, giải thích để chỉ rõ niệm Phật được các thứ công năng lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.

D1. Xét theo sở hành của các bậc đại đức Ấn Độ và cõi này, tôi tối tâm mờ mịt (1) há dám tự tiện xác quyết, chỉ biết tìm lấy cái mình có thể kham hiểu để kính vâng ý thầy. Các vị ấy là ai? Chính là Đại Thừa pháp sư Bồ Đề Lưu Chi từ Ấn Độ. Kế đó, ở cõi này, bậc đại đức quở trách, né tránh danh lợi thì có Huệ Sùng pháp sư. Tiếp đây, bậc đại đức mỗi lần diễn giảng đều cảm Thánh Tăng đến nghe thì có Đạo Tràn pháp sư. Tiếp đến có vị đại đức tuy sống lẫn với chúng mà vẫn giữ hạnh tịch tĩnh, được cả hai nước cùng ngưỡng mộ chính là Đàm Loan pháp sư. Kế đến, có vị đại đức riêng tự thấu suốt Thiền

Quán chính là Đại Hải thiên sư. Tiếp đó, có vị đại đức thông huệ, giữ giới chính là Tề Triều Thượng Thống. Sáu vị đại đức vừa kể đều là gương thân nơi Nhị Đế, đều là giảng mỗi Phật pháp, chí hạnh tuyệt vời, cổ kim thật hiếm có, đều cùng nghiên cứu kỹ Đại Thừa, khen ngợi Tịnh Độ chính thật là vô thượng yếu môn.

Hỏi: Đã bảo là các vị ấy khen ngợi, quy hướng Tịnh Độ chính là yếu môn, nhưng chưa rõ là các vị đại đức ấy khi lâm chung có sự linh nghiệm chi chăng?

Đáp: Đều có linh nghiệm chẳng dối. Như Đàm Loan pháp sư, bình thời thường tu Tịnh Độ cũng thường có bọn quân tử thế tục đến quở trách pháp sư rằng: “Mười phương cõi Phật đều là Tịnh Độ. Sao pháp sư lại chỉ riêng chú tâm vào Tây phương, há đó chẳng phải là thiên kiến sanh khởi hay sao?”

Pháp sư bảo: “Tôi đã làm phàm phu, trí huệ cạn cạn, chưa nhập địa vị nên phải giữ cho niệm lực quân bình giống như khi dẫn trâu qua ruộng lúa thì luôn phải chú tâm ràng giữ, há nào dám phóng túng, trợn không chỗ quy hướng!” Tuy lắm kẻ cật vấn bắt bẻ nhiều phen, pháp sư đã riêng có chủ ý. Bởi vậy, chẳng luận là đạo hay tục, hết thấy mọi người hễ một phen chạm mặt pháp sư nếu là người chưa sanh chánh tín thì ngài khuyên lơn cho đến khi sanh lòng tin. Nếu đã sanh chánh tín thì ngài đều khuyên quy hướng Tịnh Quốc. Vì thế, lúc pháp sư lâm chung, Tăng, tục đều thấy hai bên chùa có phan, hoa sáng rực cả viện, khắp nơi thoảng mùi hương lạ, âm nhạc nghênh tiếp, pháp sư liền vãng sanh vậy. Lúc lâm chung của những vị đại đức khác đều có điềm lành, nếu muốn thuật đủ những tướng vãng sanh thì thật là chẳng thể nghĩ bàn được.

D2. Trong các kinh phần nhiều minh thị tông chỉ Niệm Phật tam muội

Phần này gồm có tám ý: Hai ý đầu nói về Nhất Tướng tam muội. Sáu ý sau là căn cứ vào tướng để trình bày rõ Niệm Phật tam muội.

D2.1 Thứ nhất, theo như kinh Hoa Thủ:

“Phật bảo Kiên Ý Bồ Tát:

- Tam muội có hai thứ: Một là có Nhất Tướng tam muội, hai là Chúng Tướng tam muội.

Nhất Tướng tam muội là có Bồ Tát nghe thế giới ấy có đức Như Lai hiện đang thuyết pháp thì Bồ Tát coi Phật tướng ấy như đang hiện tiền: hoặc là ngồi đạo tràng, hoặc là chuyên pháp luân, đại chúng vây quanh. Giữ lấy tướng như vậy, thâm nhiếp các căn, tâm chẳng tán loạn, chuyên niệm một đức Phật, chẳng bỏ duyên ấy. Vị Bồ Tát như thế thấu hiểu rõ tướng của Như Lai và tướng của thế giới đều là vô tướng. Thường quán như thế, hành như thế, chẳng lìa duyên ấy. Ngay khi ấy, Phật tướng liền hiện ra trước để thuyết pháp cho Bồ Tát. Khi đó, Bồ Tát sanh lòng cung kính sâu xa, lắng nghe pháp ấy, dù là pháp sâu hay cạn đều bội phần tôn trọng. Bồ Tát trụ trong tam muội này, nghe nói các pháp đều là tướng có thể hoại. Nghe xong thọ trì, từ tam muội dậy, có thể vì tứ chúng diễn nói pháp ấy’.

Phật bảo Kiên Ý: - Đó gọi là Bồ Tát Nhất Tướng tam muội môn”.

D2.2 Thứ hai, theo như kinh Văn Thù Bát Nhã nói về Nhất Hạnh tam muội thì: “Khi ấy, Văn Thù Sư Lợi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào là Nhất Hạnh tam muội?

Phật dạy: - Nhất Hạnh tam muội là thiện nam tử, thiện nữ nhân ở chỗ vắng vẻ bỏ các loạn ý, ngồi ngay ngắn hướng thẳng về chỗ Phật ngự, chẳng chấp lấy hình, chú tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu ngài, niệm không ngơi nghỉ thì trong mỗi niệm sẽ thấy được quá khứ, hiện tại, vị lai tam thế chư Phật. Vì có sao? Niệm một đức Phật công đức vô lượng, vô biên chẳng khác gì với công đức niệm vô lượng chư Phật. Đó gọi là Nhất Hạnh tam muội của Bồ Tát’.

D2.3 Thứ ba, theo như kinh Niết Bàn: “Phật dạy: ‘Nếu ai chỉ có thể chí tâm thường tu Niệm Phật tam muội thì thập phương chư Phật luôn thấy người ấy như đang ở trước mặt’. Vì thế kinh Niết Bàn chép: “Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: ‘Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, thường hay chí tâm chuyên niệm Phật dù trong rừng núi hoặc nơi xóm làng, dù ngày hay đêm, dù ngồi hay nằm thì chư Phật Thế Tôn luôn thấy người ấy như ở trước mặt, luôn ở cùng chỗ người ấy để nhận sự cúng dường’”.

D2.4 Thứ tư, theo như Quán kinh và các kinh thì khác thì nếu với vạn hạnh đã tu đều đem hồi hướng để nguyện được vãng sanh thì không ai là chẳng được vãng sanh. Vì sao nên lấy một hạnh Niệm Phật làm con đường chính yếu? Xét kỹ trong thánh giáo thì có hai thứ lợi ích ban đầu và sau rốt. Nếu muốn sanh thiện khởi hạnh thì [pháp Niệm Phật] gồm đủ các độ. Nếu muốn diệt ác, tiêu tai thì pháp niệm Phật trị tất cả các chướng. Vì thế kinh nói: “Nhiếp thủ chúng sanh niệm Phật chẳng bỏ. Khi tuổi thọ hết ắt đều được vãng sanh”; đó gọi là cái lợi ích ban đầu. Cái lợi ích rốt sau là như kinh Quán Âm Thọ Ký dạy: “A Di Đà Phật trụ thế dài lâu triệu tải vĩnh kiếp cũng có diệt độ. Lúc ngài bát Niết Bàn, chỉ có Quán Âm, Thế Chí trụ trì trong cõi An Lạc để tiếp dẫn mười phương. Thời gian Phật ấy diệt độ cùng với thời gian trụ thế cũng như nhau; nhưng hết thấy chúng sanh cõi ấy không được thấy Phật, chỉ có những kẻ một dạ chuyên niệm A Di Đà Phật để vãng sanh thì luôn thấy Phật Di Đà hiện hữu bất diệt”. Đây chính là cái lợi ích sau rốt vậy. Dùng các hạnh tu khác để hồi hướng thì đều được vãng sanh; nhưng sau khi Thế Tôn diệt độ thì có kẻ thấy Phật hoặc chẳng thấy. Bởi thế, khuyên người hậu học nên suy xét kỹ để được hưởng sự lợi ích lâu xa vậy.

D2.5 Thứ năm, theo như kinh Ban Châu: “Khi ấy, trong cõi nước này có Bạt Đà Hòa Bồ Tát (Hiện Hộ Bồ Tát) nghe có đức Phật A Di Đà bèn nhiều lần hệ niệm. Do bởi niệm như thế liền được thấy A Di Đà Phật; đã thấy đức Phật rồi liền thưa hỏi rằng: ‘Con nên hành pháp nào để được sanh về cõi ngài?’ Khi ấy, A Di Đà Phật bảo Bồ Tát ấy rằng: ‘Muốn sanh về nước ta thì nên thường niệm danh hiệu ta chẳng hề ngơi nghỉ, như thế sẽ được sanh về cõi nước ta. Nên niệm thân Phật có ba mươi hai tướng thấy đều đầy đủ; quang minh chiếu suốt, đoan chánh khôn sánh’”.

D2.6 Thứ sáu, theo như Đại Trí Độ Luận thì có ba cách giải thích:

a. Một, Phật là vô thượng pháp vương, Bồ Tát là pháp thân (quan), chỉ có đức Phật Thế Tôn đáng tôn, đáng trọng. Vì thế phải nên thường niệm Phật.

b. Hai là có các Bồ Tát tự bảo: ta từ bao kiếp lâu xa đến nay được nhờ đức Thế Tôn trưởng dưỡng pháp thân, trí thân, đại từ bi thân của chúng ta, Thiên Định, trí huệ, vô lượng hạnh nguyện là do Phật mà được thành tựu. Để báo ân nên thường nguyện gần Phật cũng như đại thần được vua ân sủng thì thường nghĩ đến chúa.

c. Ba là có các Bồ Tát lại bảo như sau: Khi ta còn tu nhân, gặp ác tri thức phỉ báng Bát Nhã bị đọa trong ác đạo trải qua vô lượng kiếp. Tuy tu các hạnh khác vẫn chưa ra thoát được. Sau đó, có một lúc tuân theo sự chỉ dạy của thiện tri thức, ta hành Niệm Phật tam muội thì khi đó liền trừ sạch được ngay các chướng, mới được giải thoát. Do Niệm Phật có lợi ích lớn như thế nên nguyện chẳng rời Phật.

D2.7 Theo như kinh Hoa Nghiêm nói: “Thà trong vô lượng kiếp chịu đủ hết thủy khổ, trọn chẳng xa Như Lai, chẳng thấy tự tại lực”. Kinh còn chép: “Do Niệm Phật tam muội ắt được thấy Phật. Sau khi mạng chung sẽ sanh về trước chư Phật”. Thấy khổ lâm chung nên khuyên niệm Phật, lại còn bày tôn tượng bảo hộ chiêm ngưỡng. Lại nữa, Thiện Tài đồng tử cầu thiện tri thức, đến bên tỳ kheo Công Đức Vân rằng: ‘Bạch đại sư! Làm thế nào để tu Bồ Tát đạo quy hướng Phổ Hiền hạnh?’ Khi ấy, tỳ kheo bảo Thiện Tài rằng: “Trong biển trí huệ của đức Thế Tôn, ta chỉ biết được một pháp, ấy chính là môn Niệm Phật tam muội. Đó là gì? Trong môn tam muội này, do trông thấy hết thủy chư Phật và quyền thuộc ngài, cõi Phật nghiêm tịnh nên khiến cho chúng sanh xa lìa điên đảo. Niệm Phật tam muội môn là trong cảnh giới vi tế, thấy được cảnh giới tự tại của hết thủy đức Phật, trong các kiếp chẳng bị điên đảo. Niệm Phật tam muội là có thể khởi lên hết thủy cõi Phật chẳng thể hoại, thấy khắp chư Phật trong tam thế chẳng điên đảo”. Khi ấy, tỳ kheo Công Đức Vân bảo Thiện Tài rằng: “Biển sâu Phật pháp rộng lớn vô biên, ta chỉ biết được một môn Niệm Phật tam muội này, các cảnh giới mầu nhiệm khác vượt khỏi số lượng, ta chẳng biết được”.

D2.8 Thứ tám, theo như kinh Hải Long Vương: “Khi ấy, Hải Long Vương bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Đệ tử cầu sanh cõi Phật A Di Đà, nên tu hạnh gì để được sanh về cõi ấy?’ Phật bảo long vương: ‘Nếu muốn sanh trong cõi ấy thì nên hành tám pháp. Những gì là tám? Một là thường niệm chư Phật. Hai là cúng dường Như Lai. Ba là khen ngợi Thế Tôn. Bốn là tạo hình tượng Phật, tu các công đức. Năm là hồi hướng nguyện được vãng sanh. Sáu là tâm chẳng khiếp nhược. Bảy là nhất tâm tinh tấn. Tám là cầu được trí huệ chơn chánh của Phật’.

Phật bảo long vương: ‘Hết thủy chúng sanh đủ tám pháp ấy sẽ thường chẳng lìa Phật’.

Hỏi: Chẳng đủ tám pháp thì có được sanh về trước đức Phật, chẳng rời Phật chẳng?

Đáp: Được sanh, chẳng còn ngờ chi. Vì sao biết thế? Như lúc đức Phật nói kinh Bảo Vân cũng dạy hễ đầy đủ mười hạnh thì được sanh về Tịnh Độ, thường chẳng lìa Phật. Khi ấy, có Trừ Cái Chướng Bồ Tát bạch Phật: “Nếu chẳng đủ mười hạnh thì có được vãng sanh chẳng?” Phật dạy: “Được vãng sanh. Chỉ cần hành trọn vẹn một hạnh trong mười hạnh chẳng khuyết thì chín hạnh kia đều coi như thanh tịnh”, chớ nghi chi nữa! Lại như kinh Đại Thọ Khẩn Na La Vương chép: “Bồ Tát hành bốn pháp sẽ thường chẳng lìa chư Phật, những gì là bốn? Một là tự tu thiện pháp, kiêm khuyên chúng sanh phát tâm vãng sanh để được gặp gỡ Như Lai. Hai là tự khuyên, khuyên người thích nghe chánh pháp. Ba là tự khuyên, khuyên người phát Bồ Đề tâm. Bốn là một dạ chuyên chí hành Niệm Phật tam muội. Đủ cả bốn hạnh ấy thì sanh trong hết thủy chỗ nào cũng

thường ở trước đức Phật, chẳng lìa chư Phật”. Kinh ấy lại chép: “Phật nói hạnh pháp của Bồ Tát có ba mươi hai khí cụ. Là gì? Bồ thí là khí cụ đại phú. Nhẫn nhục là khí cụ đoan chánh, trì giới là khí cụ thánh nhân; ngũ nghịch chẳng hiểu thuận là khí cụ núi đao, rừng kiếm, chảo nước sôi. Phát Bồ Đề tâm là khí cụ thành Phật, thường hay niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ là khí cụ để thấy Phật...” Lược nêu sáu môn, các môn khác chẳng thuật. Thánh giáo đã dạy như thế, sao hành giả nguyện được vãng sanh lại chẳng thường niệm Phật?

Lại theo như kinh Nguyệt Đăng Tam Muội: “Niệm tướng hảo và các đức hạnh của Phật có thể khiến cho các căn chẳng loạn động, tâm chẳng mê hoặc, được tương hợp với pháp, được Văn Đắc Trí như đại hải. Kẻ trí trụ trong tam muội này nhiếp niệm hạnh thì ngay nơi kinh hành sẽ được thấy ngàn ức chư Như Lai và cũng gặp gỡ vô lượng hằng sa Phật”.

D3. Vấn đáp, giải thích để chỉ rõ Niệm Phật tam muội có các điều lợi ích

Đoạn này gồm năm ý:

D3.1 Hỏi: Nay nói thường tu Niệm Phật tam muội, còn đối với các tam muội khác thì sao?

Đáp: Ở đây nói “thường niệm” chứ chẳng nói là chẳng hành các tam muội khác. Vì chỉ hành Niệm Phật tam muội nhiều nên nói là “thường niệm”, chứ chẳng nói là hoàn toàn chẳng thực hành các tam muội khác.

D3.2 Hỏi: Nếu khuyên thường tu Niệm Phật tam muội là có ý coi nhẹ các tam muội khác chẳng?

Đáp: Niệm Phật tam muội tương thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Sao biết được như thế? Như trong Ma Ha Diễn nói: “Các tam muội khác chưa phải là tam muội. Vì sao? Là vì có tam muội chỉ trừ được tham, chẳng trừ được sân si. Hoặc có tam muội chỉ trừ được sân, chẳng trừ được tham si. Hoặc có tam muội chỉ trừ được si, chẳng trừ được tham sân. Hoặc có tam muội chỉ trừ được chướng hiện tại, chẳng trừ được quá khứ, vị lai hết thảy các chướng. Nếu hay thường tu niệm Phật tam muội thì chẳng luận là quá khứ, hiện tại hay vị lai, hết thảy các chướng đều trừ được cả”.

D3.3 Hỏi: Niệm Phật tam muội đã có khả năng trừ chướng, được phước, có công năng và lợi ích lớn lao, nhưng chưa rõ là nó cũng có thể khiến cho hành giả được cái lợi sống lâu, thêm tuổi thọ hay chẳng?

Đáp: Ất phải có. Vì sao? Như kinh Duy Vô Tam Muội nói: “Có hai người là anh em. Anh tin nhân quả, em không có tín tâm nhưng khéo hiểu tướng pháp. Người em nhân soi gương thấy trên mặt mình tướng chết đã hiện, chẳng sống được quá bảy ngày. Khi ấy, có kẻ trí dạy qua hỏi Phật. Phật liền đáp rằng:

- Bảy ngày nữa [sẽ chết] chẳng sai chạy vậy. Nếu có thể nhất tâm niệm Phật, tu giới thì có thể thoát nạn.

Gã liền tuân lời hệ niệm. Đến ngày thứ sáu, có hai con quỷ đi đến, tai nghe tiếng niệm Phật liền không tiến đến trước được, đành về báo với vua Diêm La. Vua Diêm La truyền lấy lệnh phù ghi rằng: “Do công đức trì giới, niệm Phật sẽ được sanh lên tầng trời Viêm Thiên thứ ba”.

Lại như trong kinh Thí Dụ có ghi: “Có một trưởng giả chẳng tin tội phước, tuổi đã năm mươi, đêm chợt mộng thấy: chẳng quá mười ngày sau, sát quỷ sẽ xách trát đến lôi mình đi. Người ấy tỉnh giấc, hoảng hốt phi thường, đến sáng kiếm thầy bói đoán mộng. Thầy giảng điềm mộng như sau: “Trong vòng mười ngày nữa, ắt sẽ có sát quỷ muốn đến hại; [ông sẽ còn sống] chẳng quá mười ngày nữa!”. Người ấy kinh hoảng bội thường, đến cầu thỉnh Phật. Phật liền dạy rằng: “Nếu muốn diệt tai nạn ấy thì từ nay trở đi phải chuyên tâm niệm Phật, trì giới, thấp hương, đốt đèn, treo phan lọng màu, tin tưởng Tam Bảo thì mới khỏi chết”. Ông ta liền thực hành theo pháp ấy, chuyên tâm tin tưởng. Sát quỷ đến cửa thấy ông tu công đức, chẳng hại được liền bỏ chạy. Nhờ công đức ấy, ông ta thọ đủ trăm tuổi, chết đi được sanh lên trời”.

Lại có một trưởng giả tên là Chấp Trì, vì trả giới lại cho Phật nên bị ác quỷ đánh.

D3.4 Hỏi: Niệm Phật tam muội này chỉ có thể đối trị các chướng, chỉ chiêu lấy quả báo thế gian hay là cũng có thể chiêu cảm Vô Thượng Bồ Đề xuất thế hay chăng?

Đáp: Được, vì sao? Như kinh Hoa Nghiêm, trong phẩm Thập Địa, bắt đầu từ Sơ Địa cho đến Thập Địa, trong mỗi một địa đều nói gia hạnh đạo để tiến nhập từng địa và nêu cái lợi công đức khi Bồ Tát viên mãn từng địa vị nhưng chẳng trụ đạo xong rồi thì đều kết thúc bằng câu: “Các vị Bồ Tát ấy tuy tu các hạnh khác nhưng đều chẳng rời niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, dùng nhạc cụ để cúng dường Tam Bảo”. Theo đoạn kinh trên, ta thấy rõ: Các vị Bồ Tát cho đến những vị thuộc vào Thập Địa phải thường học niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng thì mới có thể thành tựu vô lượng hạnh nguyện, viên mãn biến công đức. Lẽ nào Nhị Thừa, phàm phu cầu sanh Tịnh Độ lại chẳng học đòi niệm Phật ư! Vì có sao? Chính là vì Niệm Phật tam muội đây gồm đủ hết thầy Tứ Nhiếp, Lục Độ, thông với các hạnh, hỗ trợ các hạnh vậy.

D3.5 Hỏi: Từ Sơ Địa trở lên, Bồ Tát cùng chứng lý Chơn Như giống như đức Phật, đáng gọi là sanh trong nhà Phật, tự mình có thể làm Phật để cứu độ chúng sanh thì sao lại cần phải học Niệm Phật tam muội, nguyện thấy Phật vậy?

Đáp: Luận về Chơn Như thì nó rộng lớn vô biên dường như hư không, khó biết nổi lượng. Ví như một căn nhà tối to lớn, nếu thắp một ngọn đèn, hai ngọn đèn thì dầu ánh sáng chiếu tỏa mà nhà vẫn còn tối. Dần dần dùng nhiều đèn hơn, tuy có thể bảo là sáng rõ nhưng đâu có bằng nổi ánh sáng mặt trời! Chứng trí của các vị Bồ Tát trong từng địa vị tuy lần lượt hơn hẳn nhau nhưng vẫn còn thấp thỏi, đâu có sánh nổi với Phật trí tựa như ánh mặt trời!

E. Trong đề mục lớn thứ năm có bốn ý bàn định: Một là bàn chung về tu đạo là dài hay gọn, ý muốn cho [hành nhân] mau đạt được bất thoái. Hai là so sánh thiên quán nơi cõi này và cõi kia để khuyên vãng sanh. Ba là suy bì hai cảnh tịnh, uế trong cõi này và cõi kia, hay còn gọi là so lường lậu với vô lậu. Bốn là dẫn thánh giáo để chứng minh sự đúng đắn, khuyên đời sau sanh lòng tin cầu vãng sanh.

E1. Bàn chung về đường tu đạo là dài hay gọn

Gồm có hai ý: một là luận về tu đạo là dài hay gọn; hai là vấn đáp, giải thích.

E1.1 Tu đạo là dài hay gọn

Hết thấy chúng sanh không ai là chẳng chán khổ, cầu vui, sợ trói buộc, cầu giải thoát, đều muốn sớm chứng Vô Thượng Bồ Đề. Trước hết, phải lấy phát Bồ Đề tâm làm đầu. Tâm ấy khó biết, khó khởi. Giả sử như đã phát khởi được tâm ấy thì theo như kinh dạy, lại cần phải tu mười thứ hạnh là: Tín, Tinh Tấn, Niệm, Giới, Định, Huệ, Xả, Hộ Pháp, Phát Nguyện, hồi hướng để đạt đến Bồ Đề; nhưng hành nhân phải tu đạo liên tục chẳng dứt suốt cả vạn kiếp mới chứng được địa vị bất thoái. Nay chúng sanh hiện còn là phàm phu, lòng tin hiện đang còn nhỏ nhoi, hời hợt, đáng gọi là giả danh, cũng gọi là bất định tụ, cũng gọi là ngoại phàm phu, chưa ra khỏi nhà lửa được. Vì sao biết thế? Theo kinh Bồ Tát Anh Lạc thì phải thực hiện đầy đủ các hạnh vị nhập đạo như trên cho nên gọi là “đạo khó hành”.

Lại chỉ vì trong một kiếp, thọ thân sanh tử đã còn chẳng biết nổi số, huống hồ là trong vạn kiếp phải chịu đựng nổi đớn đau, thiêu đốt. Nếu có thể tin hiểu rõ kinh Phật, nguyện sanh về Tịnh Độ thì tùy theo thọ mạng dài hay ngắn, chỉ trong một đời liền đạt được địa vị bất thoái, [sánh ra] bằng với công sức tu đạo suốt cả một vạn kiếp. Sao các hàng đệ tử chẳng chịu suy xét, chẳng bỏ cái khó để cầu cái dễ? Ngay như trong luận Câu Xá cũng có nói tới hai thứ đạo dễ hành và khó hành. “Khó hành” là như luận ấy đã giảng: “Trong ba đại a-tăng-kỳ kiếp, trong mỗi một kiếp, đều đầy đủ phước trí tư lương, sáu ba-la-mật, hết thấy các hạnh, mỗi mỗi hạnh nghiệp đều phải đầy đủ trăm vạn đạo khó hành thì mới viên mãn được một địa vị; đấy là đạo khó hành vậy”.

Đạo dễ hành là như luận ấy nói: “Nếu do có phương tiện riêng liền được giải thoát thì gọi là đạo dễ hành”. Nay đã khuyên quy hướng Cực Lạc, hết thấy hạnh nghiệp đều hồi hướng về cõi ấy, chỉ cần thì khi tuổi thọ hết thì ắt sẽ được vãng sanh. Được sanh sang cõi kia liền rốt ráo thanh lương, há chẳng đáng gọi là đạo dễ hành hay sao? Phải nên hiểu ý này vậy.

E1.2 Hỏi: Đã nói là nguyện vãng sanh Tịnh Độ thì khi mạng này tận sẽ liền được vãng sanh, như vậy có thánh giáo nào chứng minh điều đó hay chăng?

Đáp: Có bảy ý, tôi đều dẫn kinh luận để chứng minh sự đúng đắn của giáo thuyết ấy.

Một là dựa theo Đại kinh: “Phật bảo A Nan: ‘Có chúng sanh nào muốn trong đời này thấy Vô Lượng Thọ Phật thì nên phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, tu hành công đức nguyện sanh về cõi kia thì liền được vãng sanh’. Vì vậy, Đại kinh khen ngợi: “Nếu nghe đức hiệu của Phật A Di Đà mà hoan hỷ khen ngợi, ngưỡng mộ, quy y dù chỉ trong một niệm thì sẽ được đại lợi, đấy chính là đã được đầy đủ của báu công đức. Ví dù lửa đầy khắp cả tam thiên thế giới thì cũng phải vượt thẳng qua để nghe danh hiệu Phật. Nghe A Di Đà Phật sẽ chẳng bị lui sụt nữa. Vì thế, chí tâm rập đầu lễ”.

Hai, theo như Quán kinh, trong phần giảng về chín phẩm đều nói khi lâm chung chánh niệm thì liền được vãng sanh.

Ba là theo như Khởi Tín Luận dạy các chúng sanh: khuyên quán Chơn Như bình đẳng nhất thực. Cũng có bậc Bồ Tát vừa mới phát ý, tâm còn yếu kém, tự cho là chưa thể thường gặp được chư Phật để thân cận, thừa sự, cúng dường, ý muốn lui sụt. Phải nên biết là đức Như Lai có phương tiện thù thắng để gìn giữ tín tâm, đó chính là do nhân duyên chuyên tâm niệm Phật sẽ được tùy nguyện vãng sanh. Do thường thấy Phật nên sẽ vĩnh viễn thoát khỏi ác đạo.

Bốn là theo như kinh Cổ Âm Đà Ra Ni chép: “Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo các tỳ kheo: ‘Ta sẽ vì các ông diễn nói: Nay trong thế giới An Lạc ở phương Tây hiện đang có Phật hiệu là A Di Đà. Nếu có tứ chúng có thể thọ trì danh hiệu đức Phật ấy một cách chơn chánh, kiên cố tâm ý, ức niệm chẳng quên, trong mười ngày, mười đêm trừ bỏ tán loạn, rờn rạt siêng gắng tu tập Niệm Phật tam muội. Nếu có thể niệm niệm chẳng ngơi thì trong mười ngày ấy sẽ được thấy đức A Di Đà Phật, đều được vãng sanh’.

Năm, theo như kinh Pháp Cốt: “Nếu người lúc lâm chung chẳng thể khởi niệm, chỉ biết là phương kia có Phật bèn phát khởi ý muốn vãng sanh thì cũng được vãng sanh”.

Sáu, theo như kinh Thập Phương Tùy Nguyện Vãng Sanh: “Nếu có kẻ lâm chung chết đọa địa ngục, quyền thuộc trong nhà vì kẻ chết niệm Phật và đọc tụng [kinh điển], thiết trai, làm phước thì kẻ chết liền ra khỏi địa ngục, vãng sanh Tịnh Độ”. Hướng hồ là kẻ trong hiện tại tự mình niệm Phật thì lẽ nào chẳng được vãng sanh? Vì thế, kinh ấy cũng nói: “Quyền thuộc hiện tại vì người chết tạo phước thì như gởi lương cho người ở xa, người ấy quyết định ăn được”.

Bảy, dẫn nhiều kinh để chứng minh sự đúng đắn, chẳng hạn như kinh Đại Pháp Cốt dạy: “Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân thường hay chuyên tâm xưng niệm danh hiệu chư Phật thì mười phương chư Phật và hết thầy hiền thánh thường thấy người ấy như đang hiện diện trước mắt. Vì thế kinh này tên là Đại Pháp Cốt. Nên biết là đối với mười phương Tịnh Độ, người ấy sẽ tùy nguyện vãng sanh”.

Lại như kinh Đại Bi dạy: “Thế nào gọi là đại bi? Nếu chuyên niệm Phật liên tục chẳng đoạn thì khi lâm chung, quyết sẽ sanh về An Lạc. Nếu có thể lần lượt khuyên nhau tu hành niệm Phật thì nên biết những kẻ ấy đáng gọi là người hành đại bi vậy”. Vì thế, kinh Niết Bàn có chép: “Phật bảo đại vương: ‘Giả sử mở kho tàng lớn để bố thí cho hết thầy chúng sanh trong cả một tháng thì công đức đạt được chẳng bằng nỗi công đức của người niệm Phật một tiếng. Công đức sau hơn công đức trước chẳng thể so sánh nổi”.

Lại như kinh Tăng Nhất A Hàm dạy: “Phật bảo A Nan: ‘Nếu có chúng sanh cúng dường y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc men cho mọi người trong một Diêm Phù Đề thì công đức đạt được há có nhiều chăng?’ A Nan bạch Phật rằng: ‘Bạch Thế Tôn! Rất nhiều, thật nhiều, chẳng thể tính nổi số lượng’. Phật bảo A Nan: ‘Nếu có chúng sanh dùng thiện tâm liên tục xưng danh hiệu Phật [trong khoảng thời gian lâu chừng bằng] thời gian vắt sữa bò thì sẽ đạt được công đức hơn hẳn công đức trên chẳng thể lường nổi”. Kinh Đại Phẩm dạy: “Nếu ai tán tâm niệm Phật cho đến khi hết khổ thì phước ấy chẳng tận. Nếu ai rải hoa niệm Phật cho đến khi hết khổ thì phước ấy chẳng tận”. Do đó, ta biết: niệm Phật có lợi ích lớn lao chẳng thể nghĩ bàn vậy. Trong kinh Thập Vãng Sanh và các kinh Đại Thừa đều có những đoạn [có thể dùng để] chứng thực [những lợi ích ấy], chẳng thể dẫn trọn hết được!

E2. So sánh thiên quán nơi cõi này và cõi kia để khuyên vãng sanh

Phương này uế cảnh, loạn tướng, khó nhập. Những người tu đắc thì chỉ đạt được định về mặt Sự, nhưng phần nhiều đắm nhiễm nơi sự hỷ lạc của Thiên; còn nếu như ai có thể nương theo nghiệp báo sanh lên thượng giới thì khi mạng hết, phần nhiều lại bị đọa xuống. Vì thế, luận Trí Độ bảo: “Đa Văn, Trì Giới, Thiên nhưng chưa được pháp vô lậu thì dầu có những công đức như vậy vẫn chưa đáng tin”. Nếu như hướng về Tây phương tu tập thì sự lẩn cảnh đều quang tịnh, Định, Quán dễ thành, trừ tội nhiều kiếp, quyết chắc chắn mau đạt đến cảnh giới rất ráo thanh lương như Đại kinh đã nói chi tiết.

Hỏi: Nếu như có thể dùng Thiên Định để cảm được cảnh giới thù thắng của Tây phương, mà trời Sắc Giới là kém hơn thì lẽ nào Thiên Định lại chẳng chiêu cảm được Sắc Giới?

Đáp: Nếu luận về cái nhân tu Định thời đã bao trùm cả đây lẫn kia; nhưng địa vị nơi cõi kia (Cực Lạc) là bất thoái, lại còn có tha lực gia trì nên mới bảo là cõi kia thù thắng. Tuy có thể tu định để cảm được [Sắc giới của] cõi này; nhưng chỉ có mỗi cái nhân của tự mình, tuyệt không có tha lực dẫn dắt nên khi nghiệp hết sẽ chẳng tránh khỏi bị lui sụt. Vì thế nói là chẳng bằng vậy.

E3. Luận về hai cảnh tịnh và uế của cõi này và cõi kia, hay cũng gọi là so lường lậu và vô lậu

Nếu luận về cảnh giới cõi này thì chỉ có tam đồ, gò, hố, núi, khe, cát mặn, gai góc, mưa hạn, gió dữ, ác xúc, sấm, chớp, sét, hổ, sói, ác thú, ác tặc, ác tử, hoang loạn, phá tán, tam tai bại hoại. Còn luận về chánh báo thì tam độc, bát đảo, ưu bi, ganh ghét, lẩm bệnh, chết non, đói khát, nóng, lạnh, thường bị tư mạng, hại qui truy bức, ô uế cực độ không thể tả xiết! Vì thế gọi là “hữu lậu”, thật là đáng chán.

Vãng sanh cõi kia thì thù thắng vì theo như Đại kinh tả: “Mười phương trời người chỉ cần sanh về cõi ấy thì không ai là chẳng đạt được các thứ lợi ích”. Lợi ích gì? Một là sanh trong cõi ấy, đi thời có hoa sen vàng đỡ chân, ngồi liền có tòa báu nâng mình, đi ra liền có Thiên Đế dẫn đường, vào thì có Phạm vương theo sau. Hết thầy thánh chúng đều là bè bạn của mình, A Di Đà Phật là đại sư của ta. Tùy ý ngao du dưới cây báu, bên rừng báu. Rửa chân nơi ao bát đức sáng khoái tinh thần. Hình vóc thì đều cùng là thân sắc vàng. Thọ mạng ngang bằng với Phật. Học thì học đủ các môn; Chỉ thì rỗng rang Nhị Đế. Dùng đại thân thông tế độ khắp mười phương, lúc tạm nghỉ liền trụ trong Tam Không Môn. Vào dạo chơi trong đường Bát Chánh, đến thẳng Đại Niết Bàn. Hết thầy chúng sanh chỉ cần sanh về cõi ấy sẽ đều liền chứng được những lợi ích đó. Sao lại chẳng xét suy, chẳng mau cầu sanh về ư?

E4. Dẫn thánh giáo để chứng minh sự đúng đắn, khuyên đời sau sanh lòng tin phát nguyện vãng sanh

Theo như kinh Quán Phật Tam Muội chép: “Lúc bảy giờ, mười phương chư Phật trong hội đều ngồi xếp bằng trên hoa đài, hiện ra trên không. Phương Đông Thiện Đức Như Lai cầm đầu, bảo đại chúng rằng:

- Các ông nên biết, ta nhớ trong quá khứ vô lượng kiếp có đức Phật tên là Bảo Oai Đức Thượng Vương. Lúc đức Phật ấy hiện ra đời, cũng giống như ngày nay, nói pháp ba

thừa. Trong đời Mạt Pháp sau khi đức Phật ấy diệt độ, có một tỳ kheo dẫn chín người đệ tử đến tháp Phật lễ bái tượng Phật. Thấy một tượng báu trang nghiêm rạng rỡ ưa nhìn. Xem xong kính lễ, mắt ngắm chăm chú, ai nấy đều nói một bài kệ để tán thán. Tùy theo thọ mạng dài ngắn, ai nấy đều mạng chung. Sau khi mạng chung liền sanh về trước Phật. Từ ấy trở đi, luôn được gặp gỡ vô lượng chư Phật; ở bên chư Phật tu nhiều phạm hạnh, đạt được biên cả Niệm Phật tam muội. Đã chứng đắc như thế liền được chư Phật hiện tiền thọ ký tùy ý làm Phật trong mười phương. Phật Thiện Đức ở phương Đông chính là thân ta. Các vị Phật ở chín phương khác chính là chín người đệ tử khi ấy. Mười phương chư Phật Thế Tôn do lễ tháp Phật, đọc một bài kệ tán thán nên được thành Phật há nào phải ai khác mà chính là mười phương Phật chúng ta vậy.

Khi ấy, mười phương chư Phật đều từ trên không đáp xuống, phóng ngàn quang minh hiển hiện sắc thân và bạch hào tướng quang, mỗi vị đều cùng ngồi chung giường với Phật Thích Ca Mâu Ni, bảo A Nan rằng:

- Ông nên biết Phật Thích Ca Văn dùng vô số tinh tấn, trăm ngàn khổ hạnh, để cầu Phật trí huệ nên cảm được thân này, nay giảng cho các ông. Ông nên vâng giữ lời Phật; hãy vì trời, rồng, đại chúng, bốn bộ đệ tử trong đời vị lai mà nói pháp Quán Tướng Hảo Của Phật và Niệm Phật Tam Muội.

Nói xong lời ấy rồi chư Phật mới chào hỏi Thích Ca Văn Phật; hỏi thăm xong đều trở về nước mình”.

F. Trong đề mục lớn thứ sáu, có ba ý bàn luận: một là lấy mười phương Tịnh Độ để so sánh; hai là suy xét nghĩa lý; ba là bàn về sự trụ, diệt của các kinh.

F1. Lấy mười phương Tịnh Độ để cùng so sánh

Gồm có ba ý:

a. Một là như kinh Tùy Nguyện Vãng Sanh dạy: “Cõi Phật mười phương đều nghiêm tịnh, tùy theo ý nguyện đều được vãng sanh, tuy nhiên, [các cõi ấy] đều chẳng bằng được cõi Phật Vô Lượng Thọ ở phương Tây”. Nghĩa là sao? Đây chỉ vì đức A Di Đà Phật cùng Quán Âm, Đại Thế Chí, trước kia đã phát tâm từ cõi này sanh sang đó, đối với chúng sanh cõi này đặc biệt có duyên cho nên Phật Thích Ca khen ngợi quy hướng Tịnh Độ trong nhiều kinh.

b. Hai là theo Đại kinh, lúc Pháp Tạng Bồ Tát tu nhân, đã ở nơi đức Thế Nhiêu Vương Phật phát trọn các hồng nguyện, thu tóm các Tịnh Độ. Lúc ấy, đức Phật nói hai trăm mười ức các cõi Phật: trời, người thiện ác, quốc độ tinh, thô; tất cả đều hiện cho thấy. Ngay khi đó, Pháp Tạng Bồ Tát nguyện chọn Tây phương để thành Phật, nay chính là cõi Cực Lạc. Đây là chứng cứ thứ hai.

c. Ba là theo Quán kinh, khi Vy Đề Hy phu nhân thỉnh vấn về Tịnh Độ, Như Lai liền dùng đài quang minh để hiển hiện hết thấy Tịnh Độ trong mười phương. Vy Đề Hy phu nhân tự bạch Phật rằng: “Tuy các cõi Phật ấy đều thanh tịnh, đều có quang minh, nhưng con nay thích sanh về Cực Lạc thế giới của đức A Di Đà Phật”. Đây là chứng cứ thứ ba để biết rằng trong các Tịnh Độ, thế giới An Lạc là thù thắng nhất.

F2. Suy lường nghĩa lý

Hỏi: Vì sao cần phải ngồi quay mặt về Tây để lễ niệm, quán tưởng?

Đáp: Là vì người Diêm Phù Đề cho rằng chỗ mặt trời mọc là sanh, chỗ mặt trời lặn là tử; vì mượn tướng tử địa [là nơi] thần minh tiến nhập để làm phương tiện phụ trợ nên Pháp Tạng Bồ Tát nguyện thành Phật ở phương Tây, thương xót tiếp độ chúng sanh. Còn ngồi, quán, lễ niệm... quay mặt hướng về Phật là thuận theo lẽ nghi thế gian. Nếu đã là thánh nhân được báo bay đi tự tại thì chẳng cần nệ vào phương chốn; còn hạng phàm phu do thân và tâm phụ thuộc vào nhau nên nếu hướng về phương khác ắt sẽ khó vắng sanh Tây phương. Vì thế, Trí Độ Luận chép: “Có một vị tỳ kheo bình thời tụng kinh A Di Đà và niệm Bát Nhã Ba La Mật; lúc lâm chung, bảo đệ tử rằng: ‘A Di Đà Phật và các thánh chúng nay đang ở trước mặt ta’. Ngài chấp tay quy y, trong khoảnh khắc xả mạng. Liền đó, đệ tử dùng pháp hỏa táng lấy lửa thiêu xác. Tất cả cháy sạch chỉ còn cuống lưỡi vẫn y nguyên như cũ, họ liền nhặt lấy dựng tháp cúng dường”. Long Thọ Bồ Tát chú thích như sau: “Do tụng kinh A Di Đà nên lúc lâm chung Phật tự đến đón, bởi niệm Bát Nhã Ba La Mật cho nên cái lưỡi chẳng tận”. Lấy đoạn kinh này làm chứng thì biết là đối với hết thảy hạnh nghiệp, chỉ cần hồi hướng thì không ai là chẳng được vắng sanh.

Vì vậy, kinh Tu Di Tứ Vực chép: “Lúc trời đất mới mở, chưa có mặt trời, mặt trăng, tinh tú. Ví như có thiên chúng trời đáp xuống đất thì họ chỉ dùng quang minh nơi cổ mình để tự soi sáng. Khi ấy, nhân dân sanh nhiều khổ não. Liền đó, Phật A Di Đà sai hai vị Bồ Tát: Một tên là Bảo Ứng Thanh, hai tên Bảo Cát Tường; đây chính là Phục Hy và Nữ Oa. Hai vị Bồ Tát cùng bàn nhau lên tầng trời Phạm Thiên thứ bảy lấy bảy báu, rồi đến cõi này tạo ra mặt trời, mặt trăng và hăm tám ngôi sao để chiếu thiên hạ, định ra bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông. Khi ấy hai vị Bồ Tát bảo với nhau rằng: ‘Sở dĩ nhật, nguyệt, tinh tú hai mươi tám ngôi xoay theo phía Tây là vì khắp hết thảy chư thiên và nhân dân cùng cúi lạy A Di Đà Phật. Do đó, nhật, nguyệt, tinh tú đều dốc lòng hướng về ngài bèn xoay theo phương Tây’.

F3. Bàn về sự trụ diệt của các kinh

Một đời Chánh Pháp của đức Phật Thích Ca Mâu Ni dài năm trăm năm; Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp một vạn năm. Khi chúng sanh diệt hết thì các kinh cũng diệt. Đức Như Lai xót thương chúng sanh bị khổ sở thiêu đốt nên riêng lưu kinh này tồn tại thêm một trăm năm. Dùng đoạn kinh trên làm chứng thì biết là cõi ấy (Cực Lạc) tuy là Tịnh Độ mà thể tánh của nó thông cả thượng căn lẫn hạ căn. Nếu biết tướng là vô tướng thì sanh trong bậc thượng. Phàm phu trong nhà lửa nếu một lòng nương về thì sẽ được vắng sanh.

G. Trong đề mục lớn thứ bảy, có hai ý bàn định: một là đem tướng cõi này và cõi kia so sánh để bàn định về sự trói buộc và giải thoát; hai là sẽ bàn về việc dụng công tu đạo trong cõi này và cõi kia là nặng hay nhẹ, đạt quả báo là chơn hay ngụy để khuyên hướng về cõi kia.

G1. So sánh sự tướng cõi này và cõi kia để bàn định về sự trói buộc cùng giải thoát

Nếu xét về tịnh tướng của Tây phương thì [ở đó] mau được giải thoát, thuần hưởng sự rất vui, trí nhãn khai rạng; còn nếu xét đến uế tướng của cõi này thì chỉ có sự vui giả tạo, mù quáng, ách nạn, trói buộc, lo sợ.

Hỏi: Theo như các kinh Đại Thừa đều nói Vô Tướng mới là đạo chính yếu để xuất ly, còn chấp tướng là bị ngăn ngại, chẳng thoát khỏi trần lụy; nay khuyên chúng sanh chán uế ưa tịnh là nghĩa lý gì?

Đáp: Nghĩa ấy chẳng phải như vậy. Vì sao? Phạm là tướng thì có hai thứ:

a. Một là ngũ trần dục cảnh, vọng ái tham nhiễm, chấp trước theo cảnh. Những tướng như thế gọi là “trói buộc”.

b. Hai là mền công đức Phật, nguyện sanh Tịnh Độ, tuy bảo là tướng nhưng là giải thoát, vì sao biết vậy? Như kinh Thập Địa nói: “Sơ Địa Bồ Tát còn phải tự riêng quán Nhị Đế, gắng lòng dốc ý; trước hết phải nương vào tướng để cầu, rốt cuộc mới thành Vô Tướng. Phải tăng tấn dần mới thành Đại Bồ Tát. Cho đến khi đã viên mãn bậc Thất Địa thì tâm chấp tướng mới dứt, nhập vào Bát Địa tuyệt không còn dùng tướng để cầu thì mới gọi là Vô Công Dụng”. Vì thế luận chép: “Từ Thất Địa trở lại, bị ác tham làm chướng thì dùng thiện tham đối trị. Từ Bát Địa trở lên, bị thiện tham làm chướng thì dùng vô tham đối trị”. Huống hồ nay nguyện sanh Tịnh Độ, hiện đang còn là phạm phu, những thiện căn đã tu đều phát sanh từ lòng mền mộ công đức của Phật công đức thì có lý đâu chúng lại là triền phược? Vì vậy, kinh Niết Bàn dạy: “Hết thầy chúng sanh có hai thứ ái: một là thiện ái, hai là bất thiện ái. Bất thiện ái chỉ kẻ ngu tìm cầu, thiện pháp ái thì được chư Bồ Tát cầu”. Vì thế, Tịnh Độ Luận ghi: “Quán Phật quốc độ thanh tịnh vị, nhiếp thọ chúng sanh Đại Thừa vị, loại sự khởi hạnh nguyện thủ Phật độ vị (đạo vị suy xét sự để khởi hạnh nhằm nguyện giữ lấy cõi Phật), tắt cánh trụ trì bất hư tác vị (địa vị rốt ráo trụ trì, chẳng tạo tác một cách hư dối)”. Có vô lượng Phật đạo vị như thế ấy nên tuy là giữ lấy tướng nhưng chẳng chấp trước, trói buộc. Hơn nữa, tướng Tịnh Độ vừa nói đó chính là tướng vô lậu, tướng Thật Tướng vậy.

G2. Bàn về dụng công tu đạo nặng hay nhẹ ở nơi này và cõi kia, được báo là chơn hay ngụy

Nếu như phát tâm quy hướng Tây phương thì chỉ dùng chút ít thời gian lễ, quán, niệm v.v... Tùy theo thọ mạng dài hay ngắn, lúc lâm chung, đài quang minh sẽ đến đón, vượt thẳng về phương kia, đạt địa vị bất thoái. Vì thế, Đại kinh chép: “Mười phương trời, người sanh về cõi ta, nếu chẳng đều là đã đạt đến Diệt Độ mà lại còn bị thoái chuyển thì ta chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác’. Phương này phải tu lâu dài các môn: Thí, Giới, Nhẫn, Định, Huệ, nếu chưa tu đủ một vạn kiếp hoặc lâu hơn nữa thì vẫn mãi chưa thể thoát khỏi nhà lửa, điên đảo, đọa trụ. Bởi vậy, mới bảo là dụng công rất nặng mà đạt được quả báo hư ngụy. Đại kinh lại chép: “Sanh trong nước ta thì sẽ vượt ngang ra khỏi năm đường ác”. Nay đem sánh với cõi tịnh của Phật A Di Đà, cả năm đường nơi Sa Bà đều gọi là đường ác: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là chỗ thuần ác tụ hội về nên gọi là “đường ác”; trời, người trong Sa Bà vì gom nhóm tạp nghiệp nên cũng gọi là “nẻo ác”. Nếu tính theo phương này để tu trị, đoạn trừ thì trước hết phải đoạn được Kiến Hoặc, lìa cái nhân tam đồ, diệt cái quả tam đồ; sau đây, đoạn trừ Tu Hoặc, lìa cái nhân trời - người, tuyệt quả trời - người. Đấy đều là lần lượt đoạn trừ dần dần nên chẳng gọi là “hoành tiệt” (cắt ngang).

Nếu được sanh trong cõi tịnh của Phật A Di Đà thì sẽ bỏ ngay của Sa Bà cùng một lúc cho nên gọi là “cắt ngang”. Chặt đứt năm đường ác là chặt đứt cái quả. Đường ác tự nhiên bị đóng lấp là lấp đi cái nhân. Đây là nói về cái bị xa lìa; còn bảo “tiến lên cái đạo vô cùng cực” là chỉ cho cái sẽ đạt được. Nếu có thể phát tâm hồi hướng, nguyện sanh Tây phương, trên thì trọn cả một đời, dưới thì chỉ mười niệm, không ai là chẳng được vãng sanh. Một phen đã đến được cõi kia thì sẽ liền thuộc vào trong Chánh Định Tự, bằng với công sức tu hành cả vạn kiếp trong cõi này.

H. Trong đề mục lớn thứ tám có ba ý bàn định: một là lược dẫn các kinh để chứng minh [các kinh] đều khuyên bỏ cõi này, ưa thích cõi kia; hai là so sánh hai đức Phật Di Đà và Thích Ca; ba là giải thích về ý nghĩa vãng sanh

H1. Lược nêu các kinh Đại Thừa để làm chứng [các kinh] đều khuyên bỏ cõi này, cầu cõi kia

Một là Đại kinh hai quyển (tức bản kinh Phật Thuyết Vô Lượng Thọ Kinh, hai quyển do ngài Khang Tăng Khải dịch vào đời Tào Ngụy) được nói tại núi Kỳ Xà Quật. Hai là một bộ Quán kinh gồm hai hội giảng tại vương cung và núi Kỳ Xà (hội thứ nhất giảng tại vương cung cho Vy Đề Hy và các thị nữ nghe, hội thứ hai do ngài A Nan trùng tuyên cho chúng tăng ở tinh xá Kỳ Viên nghe. Bản kinh này do ngài Cương Lương Gia Xá dịch). Ba là Vô Lượng Thọ kinh tiểu quyển (tức là kinh A Di Đà do ngài Cư Ma La Thập dịch) nói tại thành Xá Vệ. Bốn là lại có kinh Mười Phương Tùy Nguyện Vãng Sanh để làm chứng. Năm là lại có Vô Lượng Thanh Tịnh Giác Kinh (cũng là kinh Vô Lượng Thọ, bản dịch đời Hán của ngài Chi Lô Ca Sấm) hai quyển gồm một hội chánh thuyết. Sáu là lại có Thập Vãng Sanh kinh, một quyển.

Các kinh, luận Đại Thừa khác có nhiều đoạn chỉ bày, khen ngợi Tịnh Độ như kinh Thịnh Quán Âm, kinh Đại Phẩm... hoặc như các bộ luận của các vị Long Thọ, Thiên Thân... Chẳng phải là chỉ có một bộ khen ngợi, khuyên lớn [nên quy hướng Tịnh Độ]. Tịnh Độ các phương khác chẳng được trình bày rành mạch như thế.

H2. So sánh hai đức Phật Thích Ca và A Di Đà

Phật Thích Ca Như Lai trụ thế tám mươi năm, tạm hiện rồi tịch diệt; tịch diệt xong chẳng hiện trở lại; sánh với [thời gian của] chư thiên trời Đao Lợi thì [Phật trụ thế] chẳng đến một ngày. Lại nữa, khi đức Thích Ca trụ thế, duyên cứu độ cũng kém chẳng hạn như khi cứu người mắc bệnh nơi thành Tỳ Xá Ly v.v... Chuyện ấy ra sao? Khi đó, nhân dân thành Tỳ Xá Ly mắc phải năm thứ ác bệnh: một là mắt đỏ như máu; hai là hai tai chảy mủ; ba là mũi tuôn ra máu; bốn là lưỡi đỏ không nói được, năm là thức ăn nuốt vào biến thành thô ráp, sáu thức bế tắc tựa hồ người say. Có năm dạ xoa: một con tên là Ngạt Noa Ca La, mặt đen như mực, lại có năm mắt, nanh chó chìa lên chuyên ăn tinh khí của người... Lương y Kỳ Bà vận dụng hết y thuật mà chẳng trị nổi.

Khi ấy có trưởng giả Nguyệt Cái làm người cầm đầu, dẫn đám bệnh nhân đều đến chỗ Phật, khấu đầu xin xót thương. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khởi ra vô lượng bi mẫn, bảo bệnh nhân rằng: “Phương Tây có A Di Đà Phật, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát. Các ông nên nhất tâm chấp tay cầu được thấy”.

Ngay khi đó, đại chúng đều tuân theo lời Phật khuyên, chấp tay cầu khẩn. Lúc bấy giờ, đức Phật ấy phóng quang lớn, Quán Âm, Thế Chí đồng thời hiện đến nói đại thần chú khiến hết thầy bệnh khổ đều tiêu trừ cả, được bình phục như cũ.

Thật ra, hai đức Phật thần lực bình đẳng như nhau, nhưng đức Thích Ca chẳng đích thân hiện oai thần chỉ là vì muốn đề cao đức Di Đà hồng khiến hết thầy chúng sanh không ai là chẳng quy hướng Phật Di Đà vậy. Vì thế, trong nhiều pháp hội, đức Thích Ca khen ngợi, khuyên quy y Phật A Di Đà. Ta phải nên hiểu ý ấy. Bởi thế, pháp sư Đàm Loan mới một dạ quy hướng Tây phương, dâng lời tán Đại kinh như sau:

Cõi An Lạc: Thanh Văn, Bồ Tát,
Trời, người trí huệ đều thông đạt
Thân tướng, trang nghiêm đẹp khôn sánh,
Thuận theo phương khác gọi trời, người.
Dung nhan đoan chánh khôn chi sánh,
Thân diệu tinh vi vượt trời, người,
Tâm thân hư vô, thể vô cực,
Nên cúi lạy đấng Bình Đẳng Lực

H3. Giải thích về ý nghĩa vãng sanh:

Gồm có hai ý: một là giải thích về ý nghĩa vãng sanh; hai là vấn đáp, giải thích.

Hỏi: Nay nguyện sanh Tịnh Độ nhưng chưa biết phát ý ra sao?

Đáp: Chỉ mong mau thành tựu [hạnh] tự lợi, lợi tha, lợi vật sâu rộng như bậc Thập Tín, Tam Hiền: nhiếp thọ chánh pháp, khế hội Bất Nhị, kiến chứng Phật tánh, hiểu rành Thật Tướng, quán chiếu sáng tỏ cái tâm và hai Đế hữu-vô, [hiểu rõ] nhân quả trước, sau, [hiểu sự] hơn kém [trong các địa vị của] Thập Địa, [hiểu] Tam Nhẫn, Tam Đạo, Kim Cang vô ngại, chứng Đại Niết Bàn [dùng] Đại Thừa để rộng cứu tế; muốn ở đời không thời hạn cho đến khi biên sanh tử vô biên bị tận diệt cả.

[Trong phần nêu] câu hỏi có ba ý.

Hỏi: Nguyện sanh về Tịnh Độ là nhằm muốn lợi lạc muôn vật. Nếu vậy thì những chúng sanh ta sẽ cứu độ nay hiện vẫn còn ở nơi đây, nếu như ta đã phát được cái tâm như vậy, lẽ ra phải nên ở lại đây để cứu khổ chúng sanh! Vì sao đã có được cái tâm [lợi vật] như vậy mà lại nguyện sanh về Tịnh Độ trước, tựa hồ bỏ rơi chúng sanh để cầu cái vui Bồ Đề cho riêng mình đó chẳng?

Đáp: Chẳng đúng như vậy. Vì sao? Vì như Trí Độ Luận nói: “Ví như có hai người cùng thấy cha mẹ, quyến thuộc bị rớt xuống đầm sâu. Một người nhảy ngay xuống, tận lực cứu vớt, vì sức chẳng kham nổi nên cũng bị chìm đắm theo. Một người chạy ra xa, tìm một cái thuyền chèo ra cứu vớt thì [tất cả] cùng được thoát nạn. Bồ Tát cũng vậy, nếu lúc còn chưa phát tâm thì cũng bị lưu chuyển trong sanh tử chẳng khác gì chúng sanh. Lúc đã phát được tâm Bồ Đề thì trước sẽ nguyện vãng sanh Tịnh Độ, lấy thuyền Đại Bi nương Vô Ngại Biện Tài vào biển Sanh Tử cứu vớt chúng sanh”.

Hai là Đại Luận còn chép: “Bồ Tát sanh vào Tịnh Độ đủ đại thần thông, biện tài vô ngại; khi giáo hóa chúng sanh còn chẳng thể khiến cho chúng sanh được sanh thiện, diệt ác, tăng trưởng đạo vị, xứng hợp với ý của Bồ Tát”. Nếu cứ ở trong uế độ để cứu tế thì tuyệt chẳng có cái lợi ích ấy, như thể ép gà xuống nước, há nó chẳng bị ướt hay sao?

Ba là như trong bài khen ngợi Đại kinh [của pháp sư Đàm Loan] có viết:

Các Bồ Tát cõi nước An Lạc,
Dạy bảo gì cũng do trí huệ.
Với bản thân mình cùng vạn vật,
Đã chẳng hề còn có ngã sở.
Sạch như hoa sen chẳng dính bụi.
Qua, lại, tiến, dừng như thuyền bè.
Lợi lạc, an vui là trách nhiệm,
Bỏ hẳn tâm tình ghét cùng ưa.
Ví như hư không, đoạn hai tướng
Thấp đốn trí huệ chiếu đêm dài.
Tam minh, thần thông đã trọn đủ,
Bồ Tát vạn hạnh quán tâm nhãn,
Công đức như thể lượng vô biên,
Nên chí tâm nguyện sanh cõi ấy.

i. Trong đề mục lớn thứ chín, có hai ý bàn định. Một là đối chiếu khổ, vui, thiện, ác; hai là so sánh về thọ mạng dài ngắn nơi cõi này cùng cõi kia

i1. Trong ý thứ nhất, lại gồm hai phần: một là đối chiếu khổ, vui, thiện, ác; hai là dẫn Đại kinh làm chứng.

i1.1 Trong thế giới Sa Bà đây, tuy có hai báo khổ, vui nhưng vẫn luôn luôn là vui ít, khổ nhiều. Nặng thì là khổ sở, bị thiêu đốt trong tam đồ; nhẹ thì là đao binh, tật bệnh liên miên trong cõi trời, người; từ bao kiếp lâu xa đến nay chưa lúc nào ngơi. Ví dù có chút niềm vui trong cõi trời, người thì cũng hết như bọt nước, ánh chớp, vừa khởi lên liền mất ngay. Vì thế bảo là “chỉ có cái khổ, chỉ có cái ác”. Trong cõi tịnh của Phật Di Đà thì: nước, chim, cây cối thường tấu pháp âm, giảng rõ đạo giáo, đủ đầy thanh bạch, khiến cho chúng sanh mau được ngộ nhập.

i1.2. Dẫn thánh giáo để làm chứng

Tịnh Độ Luận chép: “Trời, người mười phương sanh về cõi ấy sẽ chẳng khác gì bậc tịnh tâm Bồ Tát. Bậc tịnh tâm Bồ Tát cùng với bậc địa thượng Bồ Tát (2) cùng rất rạo chứng đắc Tịch Diệt Nhẫn. Vì thế, họ chẳng bị thoái chuyển”.

Lại dẫn bốn mươi tám nguyện trong Đại kinh để nêu lên năm thứ lợi ích lớn. Một là như Đại kinh nói: “Nếu có trời, người trong mười phương sanh về nước ta, nếu chẳng đều được thân kim sắc thì chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Hai là: “Trời, người trong mười phương sanh về cõi ta nếu hình sắc chẳng giống nhau, có xấu đẹp thì chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Ba là: “Trời, người trong mười phương sanh về cõi ta nếu chẳng được Túc Mạng Trí, nếu chẳng biết được tối thiểu là sự việc trong trăm ngàn ức na do tha các kiếp thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác”. Bốn là: “Trời, người trong mười phương

sanh về cõi ta nếu chẳng được Thiên Nhĩ Thông, nếu chẳng nghe được ít nhất lời của trăm ngàn ức na do tha chư Phật dạy mà chẳng thọ trì thì chẳng giữ lấy ngôi Chánh Giác”. Năm là: “Trời, người trong mười phương sanh về cõi ta nếu chẳng được Tha Tâm Trí, chỉ ít là chẳng biết được tâm niệm của chúng sanh trong trăm ngàn ức na do tha các cõi Phật thì chẳng lấy ngôi Chánh Giác”. Nếu bàn về sự lợi ích nơi cõi kia thì khó lòng thuật đủ; chỉ nên nguyện sanh về thì ắt [được lợi ích] chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế cõi kia chỉ là vui, chỉ là lành, không khổ, không ác vậy.

i2. Nói về thọ mạng dài ngắn

Phương này, nói chung thọ mạng chẳng quá trăm năm. Trong trăm năm ấy, ít ai sống được lâu hơn, đa phần chết trước hoặc tuổi trẻ chết non, thậm chí mới là đứa trẻ con đã bị mất mạng, hoặc là còn trong thai đã sảy, vì sao như vậy? Chỉ vì chúng sanh lúc tạo nhân sai khác nên khi thọ báo cũng chẳng giống nhau. Vì thế, kinh Niết Bàn dạy: “Khi tác nghiệp đen đủi thì quả báo cũng đen đủi. Lúc tác nghiệp trắng trẻo thì quả báo cũng trắng trẻo”. Thanh tịnh cùng tạp nhiễm là như vậy. Lại theo như kinh Tịnh Độ Bồ Tát dạy: “Người thọ trăm tuổi, đêm tiêu mất nửa (ngủ mất nửa thời gian), tức là bị giảm mất năm mươi năm. Trong năm mươi năm ấy, mười lăm năm đầu chưa biết thiện, ác; từ tám mươi trở đi, già suy yếu kém, chịu cái khổ vì già cả. Ngoài ra chỉ còn có năm mươi năm, trong thời gian ấy, bị vua quan bức bách trường chinh phương xa, hoặc bị giam cầm trong lao ngục. Trong thì bị những việc tốt xấu trong gia đình chèo kéo, lo lắng bồn chồn, luôn cầu chẳng đủ. Suy xét như vậy thì có mấy lúc tu được đạo nghiệp?”. Nghĩ suy thế ấy chẳng buồn thương ư, sao vẫn chẳng chán nhàm?

Lại như Đại kinh dạy: “Người sanh trong thế gian, trong một ngày, một đêm có tám ức bốn ngàn vạn niệm. Một niệm khởi ác sẽ thọ một thân ác. Mười niệm nghĩ ác thì mười đời chịu thân ác. Trăm niệm nghĩ ác phải chịu trăm thân ác”. Xét thân cả đời của một chúng sanh thì nếu trăm năm nghĩ ác sẽ phải chịu thân ác đầy khắp cả tam thiên quốc độ. Ác pháp đã như vậy thì thiện pháp cũng như thế. Một niệm khởi thiện, hưởng một thân thiện. Trăm niệm nghĩ lành, hưởng trăm thân lành. Xét trong một đời của chúng sanh, nếu trăm năm nghĩ lành thì thân lành cũng đầy cả tam thiên quốc độ. Nếu như được mười năm, năm năm nghĩ đến A Di Đà Phật hoặc là nhiều năm thì thân sau sẽ sanh trong cõi Vô Lượng Thọ, liền hưởng lấy Tịnh Độ pháp thân hằng sa vô tận chẳng thể nghĩ bàn vậy. Nay trong uế độ, mạng báo ngắn ngủi chẳng lâu; nếu sanh về cõi tịnh A Di Đà, thọ mạng sẽ dài lâu chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ dạy: “Phật bảo Xá Lợi Phất: ‘Vì sao đức Phật ấy hiệu là A Di Đà? Nay Xá Lợi Phất! Mười phương trời người sanh về cõi ấy, thọ mạng sẽ dài lâu ức trăm ngàn kiếp, bằng với đức Phật. Vì thế, ngài hiệu là A Di Đà’. Ai nấy phải nên suy lường cái lợi ích lớn lao này, đều nên nguyện vãng sanh.

Lại như Thiện Vương Hoàng Đế Tôn kinh chép: “Nếu như có kẻ học đạo nghĩ muốn vãng sanh cõi Phật A Di Đà ở phương Tây, ức niệm ngày đêm, trong một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, cho đến sáu ngày, bảy ngày. Nếu trong khoảng thời gian ấy toan sanh lòng hối mà nghe ta nói công đức của Thiện Vương đây thì lúc mạng sắp hết, sẽ có tám vị Bồ Tát thấy đều bay đến tiếp rước người ấy về cõi A Di Đà Phật ở phương Tây trọn chẳng ngừng nghĩ”.

Từ đây trở đi, lại dẫn kệ tán Đại kinh để làm chứng. Kệ tán như sau:

‘Nếu có chúng sanh sanh An Lạc,
Sẽ đều trọn đủ bả hai tướng.
Trí huệ đầy đủ, nhập pháp sâu.
Thấu suốt yếu đạo không chướng ngại.
Tùy theo căn tánh lợi hay độn
Thành tựu các nhĩn như ba nhĩn
Cho đến chẳng thể nói các nhĩn.
Túc Mạng, Ngũ Thông thường tự tại,
Đến bên đức Phật, chẳng còn sanh
Ở trong các đường ác khác nữa,
Trừ khi sanh về các phương khác
Ở trong cõi đời ác ngũ trược,
Thị hiện như đức Đại Mâu Ni.
Sanh cõi An Lạc thành đại lợi
Nên chí tâm nguyện sanh cõi kia’.

J. Trong đề mục lớn thứ mười có hai ý bàn định: một là dựa theo Đại kinh dẫn chứng các ý tương đồng để chứng thực; hai là giải thích ý nghĩa của hồi hướng.

J1. Dựa vào Đại kinh, dẫn chứng các ý tương đồng để chứng thực

Mười phương chư Phật không vị nào là chẳng khuyên nên quy hướng Tây phương; thập phương Bồ Tát không ai là chẳng cùng sanh về đấy, mười phương đều mong được vãng sanh. Do đó, ta thấy vãng sanh là sự chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, bài tán Đại Kinh có câu:

A Di Đà thần lực vô cực,
Mười phương vô lượng Phật khen ngợi.
Từ hằng sa cõi Phật phương Đông
Vô số Bồ Tát đến thân cận
Lại cũng cúng dường các Bồ Tát,
Thanh Văn, đại chúng cõi An Lạc.
Nghe nhận kinh pháp, giảng, hóa độ,
Trong chín phương kia cũng giống vậy.

J2. Giải thích ý nghĩa hồi hướng:

Chỉ vì hết thấy chúng sanh đã sẵn có Phật tánh, ai ai cũng có ý nguyện thành Phật; nhưng nếu chỉ dựa vào hạnh nghiệp tu hành chưa được trọn đủ một vạn kiếp thì vẫn chưa thoát ra khỏi được nhà lửa, chẳng thoát nổi luân hồi. Vì thế, đức Phật thương xót nỗi khổ triền miên ấy bèn khuyên hồi hướng Tây phương để [hành nhân được] thành tựu lợi ích lớn lao; mà công phu hồi hướng chẳng ngoài sáu điều. Những gì là sáu?

Một là đem tất cả các nghiệp mình đã tu hồi hướng về đức Di Đà, khi đã sanh trong cõi ngài sẽ đắc lực thông để cứu tế chúng sanh. Đây chính là chẳng trụ đạo vậy.

Hai là hồi nhân hướng quả.
Ba là hồi hạ hướng thượng.
Bốn là hồi chậm hướng nhanh, đây chính là chẳng trụ thế gian.

Năm là hồi thí [công đức] cho chúng sanh, bi niệm hương thiện.
Sáu là hồi nhập [Thật Tướng] trừ bỏ cái tâm phân biệt.

Công phu hồi hướng chỉ gồm sáu điều này. Vì thế, Đại kinh dạy: “Nếu có chúng sanh sanh về nước ta thì tự nhiên sẽ tiến vượt lên bội phần, vượt hẳn hạnh của các địa bình thường, cho tới khi thành Phật đạo sẽ không còn bị nạn lui sụt”. Vì thế bài tán Đại kinh viết:

Bồ Tát, Thanh Văn cõi An Lạc,
Bồ Tát cõi này chẳng sánh được
Thích Ca vô ngại đại biện tài
Khéo bày phương tiện chỉ ít phần:
Đem vua so ăn mày hèn nhất,
Đế vương lại sánh Kim Luân Vương.
Lần lượt như thế đến Lục Dục
Thảy đều so sánh giống như trước
Sắc thân cõi trời sánh Cự Lạc
Chẳng bằng một phần ngàn vạn ức!
Đều là Pháp Tạng nguyện lực thành,
Cúi đầu đánh lễ Đại Tâm Lực’.

K. Trong đề mục lớn thứ mười một, có hai ý bàn định: một là khuyên hết thảy chúng sanh nương theo thiện tri thức phát tâm hướng về Tây; hai là bàn về cái duyên vãng sanh hơn kém sau khi chết.

K1. Khuyên nương theo thiện tri thức

Kinh Pháp Cú [dạy về những bậc đáng làm] làm thiện tri thức cho chúng sanh. [Trong kinh có thuật chuyện] Bảo Minh Bồ Tát bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là thiện tri thức?” Phật dạy:

- Thiện tri thức là người có thể nói những pháp sâu như là: Không, Vô Tướng, Vô Nguyện; các pháp bình đẳng, không nghiệp, không báo, không nhân, không quả, rốt ráo như như, trụ trong Thực Tế, mà trong Tất Cánh Không lại kiến lập rục rờ hết thảy các pháp. Ấy là thiện tri thức. Thiện tri thức là cha mẹ của ông vì dưỡng dục thân Bồ Đề của ông. Thiện tri thức là con mắt của ông vì thấy được hết thảy đạo lành, ác vậy. Thiện tri thức là thuyền lớn của ông, chuyên chở các ông vượt biển sanh tử. Thiện tri thức là dây thừng của ông vì có thể lôi kéo các ông ra khỏi sanh tử.

Kinh còn khuyên tuy làm thiện tri thức cho chúng sanh nhưng cần phải quy hướng Tây phương, vì cớ sao? Ấy là vì hễ trụ trong hỏa giới này thì có nhiều cảnh nghịch thuận, nhiều sự làm cho bị thối chuyển khó lòng thoát khỏi nổi. Vì thế, ngài Xá Lợi Phất ở trong cõi này phát tâm tu hạnh Bồ Đề đã hơn sáu mươi kiếp, gặp phải ác tri thức tạo nhân duyên đòi xin mắt thì liền bị thối chuyển. Do đó, ta biết là tu đạo trong hỏa giới thật là khó khăn nên Phật mới khuyên quy hướng Tây phương. Một phen được vãng sanh thì Tam Học (Văn, Tư, Tu) tự nhiên tăng tiến, viên mãn vạn hạnh; bởi thế, Đại kinh mới nói: “Cõi tịnh của Phật Di Đà trọn chẳng có chỗ tạo ác dầu bằng mây lông tóc’.

K2. Bàn định về sự vãng sanh hơn kém sau khi chết

Chúng sanh cõi này khi thọ hết mạng tận, không ai là chẳng phải thuận theo hai nghiệp thiện ác, luôn bị tư mạng, ngục tốt, vọng ái phiền não cùng theo mình thọ sanh. Từ vô số kiếp đến nay chưa thể thoát nạn nôi! Nếu sanh được lòng tin quy hướng Tịnh Độ, gắng ý chuyên cần tinh tấn thì lúc mạng sắp hết, A Di Đà Phật sẽ cùng với Quán Âm và thánh chúng đem đài quang minh đến nghênh tiếp hành giả. Hành giả hoan hỷ theo sau [chân Phật] chấp tay ngồi trên đài, trong khoảnh khắc đến nơi. Cho đến khi thành Phật không điều chi là chẳng khoái lạc.

Lại nữa, hết thấy chúng sanh tạo nghiệp bất đồng; nghiệp có ba thứ, tức là: thượng, trung, hạ. Không ai là chẳng phải đến chỗ Diêm La phán tội. Nếu có nhân duyên tin Phật nguyện sanh Tịnh Độ, các hạnh nghiệp đã tu đều đem hồi hướng [Cực Lạc] cả thì lúc mạng chung, Phật tự nhiên đến đón, chẳng phải đi đến chỗ Tử Vương.

L. Trong đề mục lớn thứ mười hai, có một ý bàn định, tức là dùng kinh Thập Vãng Sanh làm chứng để khuyên vãng sanh. [Trong kinh ấy] đức Phật giảng về cõi Phật A Di Đà, ngài vì các đại chúng nói cách quán thân, chánh niệm giải thoát. Kinh Thập Vãng Sanh chép:

“A Nan bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Pháp quán thân của hết thấy chúng sanh là như thế nào? Kính xin Phật giảng cho.

Phật bảo A Nan:

- Pháp quán thân là chẳng quán Đông, Tây, chẳng quán Nam, Bắc, chẳng quán bốn góc, trên, dưới; chẳng quán hư không, chẳng quán ngoại duyên, chẳng quán nội duyên, chẳng quán thân sắc, chẳng quán sắc thanh, chẳng quán sắc tượng, chỉ quán vô duyên. Ấy là pháp quán thân chơn chánh. Ngoại trừ pháp quán này ra dù có chăm chăm tìm cầu nơi nơi chốn chốn trong khắp mười phương cũng chẳng có pháp nào khác để giải thoát.

Phật lại bảo A Nan:

- Chỉ tự quán thân, thiện lực tự nhiên, chánh niệm tự nhiên, giải thoát tự nhiên. Vì sao thế? Ví như có người tinh tấn, tâm chất trực thì sẽ đắc chánh giải thoát. Người như vậy chẳng cầu giải thoát mà giải thoát tự đến.

A Nan lại bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh trong thế gian có được chánh niệm giải thoát như vậy ắt sẽ chẳng có hết thấy địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ba ác đạo.

Phật bảo A Nan:

- Chúng sanh trong thế gian chẳng được giải thoát là vì có sao? Là vì hết thấy chúng sanh đều dối nhiều, thật ít, không có lấy một chánh niệm. Bởi nhơn duyên ấy, địa ngục thì nhiều, giải thoát lại ít. Ví như có kẻ dối với cha mẹ cùng sư tăng của mình thì ngoài mặt làm ra vẻ hiếu thuận nhưng trong lòng bất hiếu, ngoài hiện vẻ tinh tấn nhưng trong

lòng chẳng thật. Kẻ ác như thế tuy chưa bị quả báo, nhưng đã chẳng xa tam đồ! Chẳng có chánh niệm thì chẳng được giải thoát.

A Nan lại bạch Phật rằng:

- Nếu như vậy thì nên tu thiện căn gì để được chánh giải thoát?

Phật bảo A Nan:

- Ông nay nghe kỹ, ta nay sẽ vì ông nói. Có mười pháp vãng sanh đạt được giải thoát, những gì là mười?

a. Một là quán thân chánh niệm, thường ôm lòng hoan hỷ, dùng thức ăn, y phục cúng Phật cùng Tăng sẽ vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

b. Hai là chánh niệm, dùng thuốc men ngon ngọt dâng lên một vị tỷ kheo bị bệnh và hết thấy chúng sanh sẽ vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

c. Ba là chánh niệm chẳng hại một sanh mạng, từ bi đối với hết thấy sẽ vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

d. Bốn là chánh niệm: đối với giới đã thọ từ nơi thầy thường thanh tịnh tu phạm hạnh, tâm thường hoan hỷ sẽ vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

e. Năm là chánh niệm hiếu thuận cha mẹ, kính phụng sư trưởng, chẳng khởi tâm kiêu mạn sẽ vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

f. Sáu là chánh niệm đi đến tăng phòng, cung kính chùa tháp, nghe pháp hiểu một nghĩa sẽ vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

g. Bảy là chánh niệm trong một ngày một đêm thọ trì tám trai giới, chẳng phá một giới sẽ vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

h. Tám là chánh niệm: trong ngày trai hoặc trong tháng trai, có thể xa lìa phòng nhà, luôn đến chỗ thầy lành thì sẽ vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

i. Chín là chánh niệm, thường hay trì tịnh giới, chăm tu Thiên Định, hộ pháp, chẳng ác khẩu. Nếu hành được như thế sẽ vãng sanh cõi Phật A Di Đà.

j. Mười là chánh niệm, nếu đối với Vô Thượng Đạo chẳng khởi tâm phỉ báng, tinh tấn trì tịnh giới, lại dạy kẻ vô trí lưu truyền kinh pháp này, giáo hóa vô lượng chúng sanh thì những người như vậy đều được vãng sanh.

Lúc bấy giờ, trong hội có một vị Bồ Tát tên là Sơn Hải Huệ bạch đức Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Cõi Phật A Di Đà ấy có những sự vui thù thắng màu nhiệm gì mà hết thấy chúng sanh đều nguyện sanh về đó?

Phật bảo Sơn Hải Huệ Bồ Tát:

- Ông nay nên đứng dậy, chắp tay, đứng ngay ngấn hướng về Tây, chánh niệm quán cõi Phật A Di Đà, nguyện thấy A Di Đà Phật.

Lúc bấy giờ, hết thầy đại chúng cũng đều đứng dậy chắp tay, cùng quán A Di Đà Phật. Lúc bấy giờ, A Di Đà Phật hiện đại thần thông, phóng đại quang minh chiếu đến thân Sơn Hải Huệ Bồ Tát. Lúc ấy, Sơn Hải Huệ Bồ Tát v.v... liền thấy trong cõi nước của Phật A Di Đà: tất cả sự trang nghiêm diệu hảo đều là thất bảo, núi bảy báu, cõi nước bảy báu; nước, chim, cây cối thường vang ra pháp âm. Cõi ấy ngày ngày thường chuyển pháp luân, nhân dân cõi ấy chẳng tu tập sự gì khác, tu tập nội sự một cách chơn chánh, miệng nói lời Phương Đẳng, tai nghe Phương Đẳng, tâm hiểu nghĩa Phương Đẳng. Lúc ấy, Sơn Hải Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Ngày hôm nay chúng con trông thấy cõi ấy thắng diệu lợi ích chẳng thể nghĩ bàn, con nay nguyện hết thầy chúng sanh đều được vãng sanh. Sau đó, chúng con cũng nguyện vãng sanh cõi ấy.

Phật thọ ký rằng:

- Chánh quán, chánh niệm, được chánh giải thoát thì đều được sanh trong cõi kia. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân chánh tín kinh này, yêu thích kinh này, khuyên dạy chúng sanh thì dù nói hoặc nghe sẽ đều được vãng sanh cõi Phật A Di Đà. Nếu có những người như thế thì từ ngày nay ta sai hai mươi lăm vị Bồ Tát hộ trì họ, thường khiến cho họ chẳng bệnh, không khổ não, dù người hay phi nhân đều chẳng kiếm cách hại được họ. Đi, đứng, nằm ngồi, chẳng luận là ngày hay đêm đều thường được an ổn.

Sơn Hải Huệ Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con nay cúi lãnh lời dạy tôn quý, chẳng dám ngờ vực, nhưng trong đời sẽ có chúng sanh phỉ báng và chẳng tin kinh này. Mai sau, đối với những kẻ như vậy, chúng con nên làm sao?

Phật bảo Sơn Hải Huệ Bồ Tát:

- Mai sau trong Diêm Phù Đề sẽ có tỳ kheo hoặc là tỳ kheo ni thấy có người đọc tụng kinh này sẽ hoặc là giận dữ hay đem lòng phỉ báng. Do vì báng chánh pháp, kẻ ấy ngay trong thân hiện đời sẽ cảm lấy các bệnh nặng ác, thân căn chẳng đủ, điếc, lòa, ngọng, câm, thủy thũng, quỉ mị, nằm ngồi chẳng yên, cầu sống chẳng được, cầu chết chẳng xong, hoặc đến lúc chết đi lại bị đọa địa ngục. Trong tám vạn kiếp chịu khổ não lớn, trăm ngàn vạn đời chưa từng nghe tên thức ăn, nước uống. Mãi sau mới được thoát ra, lại sanh làm trâu, ngựa, heo, dê, bị người giết hại chịu khổ não lớn. Sau đấy mới được làm người nhưng thường sanh vào chỗ hèn hạ, trăm ngàn vạn đời chẳng được tự tại, vĩnh viễn chẳng nghe danh tự Tam Bảo. Vì thế, đối với kẻ vô trí chẳng tin, chớ nên nói kinh này”.

[Nguyện đem] công đức soạn tập, lưu truyền [tác phẩm này] thí cho khắp hết thầy, trước là phát Bồ Đề tâm, sau cùng quy hướng Tịnh Độ, đều cùng thành Phật đạo.

An Lạc Tập quyền hạ hết

(Phật lịch 2545, ngày 16 tháng 05 năm 2001, Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa kính dịch)

(1) Tạm dịch chữ ngũ ế diện tường: Ngũ ế là năm thứ che đầy mặt trời, mặt trăng: khói, mây, bụi, sương mù và bàn tay. Diện tường: nhìn vào vách.